



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.



BÁO CÁO | 2022
THƯỜNG NIÊN



PSI

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.

MỞ ĐẦU

THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI	06
DẤU ẤN 2022	08

01

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY	12
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG	14
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	18
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ	20
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	24
ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO	26
CÁC RỦI RO	34

02

PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	40
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH	42
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	42
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	43
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	45
YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG	46
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	50

03

PHẦN III. DỰ BÁO NĂM 2023 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2022	54
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2022	55
TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2023	56
MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2023	58

04

PHẦN IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	62
CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA BAN TGD, BAN KIỂM SOÁT	72
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	74
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	82
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR CỦA CÔNG TY	85
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG IR	90

06

PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

05

PHẦN V. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	94
MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	95
NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG	96



MỞ ĐẦU

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI	06
DẤU ẤN 2022	08



THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT

“PSI luôn mang trong mình một tâm thế chủ động để bắt kịp với những thay đổi của thị trường”

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



3

TRỤ CỘT

2

NỀN TẢNG

1

MỤC TIÊU

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2022, trước những bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới, cũng là năm khó khăn với hầu hết các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Do đó, PSI đã trải qua nhiều thách thức trong hoạt động kinh doanh. Mặc dù vậy, bằng định hướng kinh doanh phù hợp, chủ động thích ứng với mọi điều kiện thị trường, PSI tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra, tổng doanh thu năm 2022 đạt 483.87 tỷ đồng hoàn thành 127% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập 51.9 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế 26.58 tỷ đồng hoàn thành 118% kế hoạch năm. Chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ, tối ưu hóa lợi nhuận. PSI luôn xác định việc phát triển về quy mô phải gắn liền với tăng cường hoạt động quản trị rủi ro. Trong những năm qua, PSI không ngừng nâng cấp hệ thống quản trị rủi ro thông qua việc hiện đại hóa công nghệ thông tin, thiết lập phần mềm quản lý, đồng bộ hóa hệ thống và xây dựng các tuyến phòng thủ chặt chẽ.

Bên cạnh đó, PSI cũng luôn tâm niệm rằng nhân sự chính là nguồn tài sản trân quý nhất, tại đây mỗi cán bộ nhân viên đều ý thức rất rõ về đạo đức nghề nghiệp và thường xuyên được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức. PSI luôn nỗ lực hết mình để mỗi cán bộ công nhân viên đều được hưởng chế độ công bằng – đãi ngộ cạnh tranh để đóng góp những giá trị trong công cuộc phát triển của PSI.

Năm 2022 là mốc son thứ 16 trong hành trình phát triển của PSI với nhiều dấu ấn tốt đẹp trong lòng cổ đông, đối tác và khách hàng được thể hiện qua 2 giải thưởng IR, nằm trong Top 3 Doanh nghiệp có hoạt động IR tốt nhất 2022. PSI còn có lợi thế trong việc nắm bắt hoạt động, am hiểu tình hình tài chính, quản trị để luôn là sự lựa chọn tốt nhất trong việc đồng hành cùng các đề án tư vấn quan trọng của các đơn vị trong ngành Dầu khí và góp phần tạo nên thành công của các đơn vị.

Đây chính là động lực to lớn giúp PSI chuẩn bị và sẵn sàng cho những cột mốc tiếp theo trên hành trình phát triển và vươn xa của mình trên thị trường.

Năm 2023, dự báo thị trường Chứng khoán Việt Nam sẽ tiếp tục biến động khó lường với những luồng thông tin tích cực và tiêu cực đan xen. Tuy nhiên, PSI luôn mang trong mình một tâm thế chủ động để bắt kịp với những thay đổi của thị trường, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, gia tăng số lượng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. PSI đã đưa ra các giải pháp cho từng hoạt động kinh doanh riêng biệt, phát triển hệ thống và nhân lực:

- Tiếp tục đặt ra những kế hoạch đầy tham vọng mang tới cho khách hàng những sản phẩm mới, cải tiến chất lượng sản phẩm để phù hợp với từng nhóm khách hàng;
- Đẩy mạnh đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường từ đó thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nâng cao hệ thống quản trị, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ đúng các quy định của công ty, cung cấp kịp thời các thông tin quản trị, cập nhật các thay đổi để hỗ trợ Ban Điều Hành trong việc đưa ra các quyết định chuẩn xác. Các hoạt động quản trị rủi ro được diễn ra xuyên suốt trong quá trình hoạt động;
- Nâng cao hiệu quả nhân sự từ việc tuyển dụng, đào tạo, giám sát hiệu quả công việc và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp;

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn các Quý cổ đông, Quý khách hàng, các đối tác đã tin tưởng và đồng hành cùng PSI. Trong hành trình phát triển sắp tới, PSI mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ, tin cậy, hợp tác của Quý vị. Đó chính là nguồn động lực to lớn giúp PSI phát triển bền vững.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ANH TUẤN

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TẦM NHÌN



Một Công ty Chứng khoán hoạt động hiệu quả, lấy khách hàng ngành năng lượng làm trọng tâm.

SỨ MỆNH



Cung cấp dịch vụ chứng khoán, tài chính trên nền tảng ứng dụng công nghệ tiên tiến và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp nhằm mang đến cơ hội đầu tư hiệu quả cho khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



- Lấy khách hàng làm trung tâm, từ đó nâng cao chất lượng xứng đáng là công ty có dịch vụ hàng đầu trên thị trường.
- Nâng cao năng lực tài chính vững mạnh nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trên thị trường bằng các giải pháp tài chính nhanh gọn với mức phí cạnh tranh nhất.
- Đặt yếu tố công nghệ làm trọng tâm trong hoạt động quản trị và phát triển sản phẩm phục vụ khách hàng. Ứng dụng các công nghệ hiện đại phù hợp với năng lực tài chính và nhu cầu của khách hàng.
- Không ngừng nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự đáp ứng nhu cầu của một công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.
- Phát huy tối đa các lợi thế sẵn có để nâng cao hiệu quả kinh doanh và mang lại lợi nhuận cho công ty, cán bộ nhân viên cũng như lợi ích cho các cổ đông.
- Từng bước xây dựng mối quan hệ ngày càng sâu rộng với đối tác chiến lược là SMBC Nikko và các Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam cũng như trong khu vực.

DẤU ẤN HOẠT ĐỘNG 2022

16 năm hoạt động trên thị trường chứng khoán, PSI luôn nỗ lực hướng tới sự phát triển bền vững và khẳng định những giá trị đã tích lũy được trên hành trình của mình.

Top 2 Doanh nghiệp Nhà đầu tư yêu thích

Top 2 Doanh nghiệp có
hoạt động IR được
Nhà đầu tư yêu thích
nhất 2022

DẤU ẤN
2022

Tổng doanh thu
2022 đạt
483.87 tỷ đồng

Doanh thu
Cao nhất
Lịch sử đạt
483,87 tỷ đồng

Top 3
Doanh nghiệp
Định chế tài chính
cao nhất

Top 3 Doanh nghiệp
có hoạt động IR được
Định chế tài chính
đánh giá cao nhất
năm 2022



IR AWARDS 2021

TOP 3 SMALL & MICRO CAP

DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ HOẠT ĐỘNG IR
ĐƯỢC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT

DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ HOẠT ĐỘNG IR
ĐƯỢC NHÀ ĐẦU TƯ YÊU THÍCH NHẤT

01

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY	12
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	13
CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG	14
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	18
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ	20
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	24
ĐỘI NGŨ LÃNH ĐẠO	26
CÁC RỦI RO	34



GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CÔNG TY

Tên Công ty bằng Tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
Tên Công ty bằng Tiếng Anh: PETROVIETNAM SECURITIES INCORPORATED
Tên giao dịch: PSI
Tên viết tắt: PSI
Giấy phép hoạt động số: 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19/12/2006
Vốn điều lệ: 598.413.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 598.413.000.000 đồng
Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist, số 18 Lý Thường Kiệt, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Số điện thoại: 024 3934 3888
Số fax: 024 3934 3999
Website: www.psi.vn
Mã cổ phiếu: PSI

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 07/02/2007 với Hội sở chính tại Hà Nội và 01 Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, số vốn điều lệ ban đầu là 150 tỷ đồng. Sau 16 năm Trưởng thành và Phát triển, PSI đã phát triển theo chiến lược 3 trụ cột – 2 nền tảng – 1 mục tiêu để đứng vững trên thị trường, tự chủ trong hoạt động kinh doanh và xây dựng hình ảnh, vị thế mới là Công ty Chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng.

Chính thức đi vào hoạt động và khai trương chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tăng vốn điều lệ lên 509,25 tỷ vào tháng 10/2010
Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tháng 7/2010

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng (PVcomBank) hoàn tất việc mua vào hơn 20,4 triệu cổ phiếu PSI, nâng tỉ lệ sở hữu lên 51,17% vốn điều lệ của PSI

Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu PSI, với khối lượng gần 400 tỷ đồng

Phát hành thành công 1.000 tỷ đồng Trái phiếu

> 2007

> 2010

> 2016

> 2019

> 2021

> 2006

> 2009

> 2011

> 2018

> 2020

> 2022

Chính thức được cấp phép hoạt động

Thành lập hai chi nhánh mới tại Vũng Tàu và Đà Nẵng

Tăng vốn điều lệ lên 598,413 tỷ đồng thông qua việc chào bán thành công 14,9% cổ phần cho công ty SMBC Nikko (Nhật Bản)

• Hoàn thành xây dựng Chiến lược phát triển đến 2020 tầm nhìn đến 2030 trình ĐHCĐ 2019; Mục tiêu đến năm 2020, đưa PSI trở thành Công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Năng lượng.
• Đầu tư mới phần mềm chứng khoán và hạ tầng công nghệ thông tin.
• Khai trương, đi vào hoạt động 03 điểm giao dịch tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Phát hành thành công 02 đợt trái phiếu PSI, với khối lượng lên đến 500 tỷ đồng

Doanh thu cao nhất trong lịch sử đạt 483,87 tỷ đồng

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG

DOANH THU DỊCH VỤ TƯ VẤN LỚN NHẤT THỊ TRƯỜNG, LỢI NHUẬN CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG

Top 5 Công ty Chứng khoán có doanh thu Dịch vụ Tư vấn lớn nhất thị trường năm 2010

Top 10 Công ty Chứng khoán có lợi nhuận cao nhất thị trường năm 2010

THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG QUỐC GIA DOANH NHÂN XUẤT SẮC ĐẤT VIỆT

Giải thưởng Thương hiệu nổi tiếng Quốc gia năm 2010 và Danh hiệu Doanh nhân Xuất sắc Đất Việt năm 2010

THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG NHẤT NGÀNH CHỨNG KHOÁN TẠI VIỆT NAM

Giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng nhất ngành Chứng khoán tại Việt Nam năm 2010 do người tiêu dùng bình chọn” do phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức

CÔNG TY TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU

Giải thưởng Công ty Tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2013 do diễn đàn M&A 2013 trao tặng

CÔNG TY TƯ VẤN M&A TIÊU BIỂU THƯƠNG VỤ PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ TIÊU BIỂU

Được bình chọn là Công ty tư vấn M&A tiêu biểu và giải Công ty có Thương vụ phát hành riêng lẻ tiêu biểu (với đối tác Nhật Bản) tại Diễn đàn Mua bán - Sáp nhập doanh nghiệp 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT 2010

Giải thưởng bình chọn “Báo cáo Thường niên tốt nhất 2010”

TƯ VẤN CHO TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN

Là đơn vị tư vấn tái cấu trúc cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các Công ty Thành viên

NGHIỆP VỤ TƯ VẤN NIÊM YẾT VÀ ĐẦU GIÁ

Top 5 Công ty Chứng khoán Thành viên tiêu biểu trong nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đầu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh năm 2015

CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ THƯƠNG VỤ LỚN TRÊN THỊ TRƯỜNG

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN CAO NHẤT THỊ TRƯỜNG

Top 10 Công ty Chứng khoán có doanh thu hoạt động tư vấn cao nhất thị trường năm 2015

3 ĐƠN VỊ LỚN CỦA PVN

Tư vấn thoái IPO cho 3 đơn vị lớn của PVN (Tổng Công ty Dầu Việt Nam, Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình sơn và Tổng Công ty Điện Lực Dầu khí Việt Nam)

ĐỒNG TƯ VẤN M&A VỚI MAEDA VÀ STANLEY

Cùng cổ đông chiến lược SMBC Nikko triển khai thành công 2 hợp đồng tư vấn M&A với Maeda và Stanley

THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU LỚN NHẤT

Top 10 Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2021

THƯƠNG HIỆU TIÊN PHONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Giải thưởng Thương hiệu tiên phong hội nhập kinh tế quốc tế do hội các doanh nghiệp vừa và nhỏ trao tặng năm 2016

HÀNH TRÌNH NĂNG LƯỢNG

Tổ chức thành công sự kiện “Hành trình năng lượng” – chương trình nằm trong hoạt động của bộ chỉ số PVN - Index

DEAL M&A CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG IR ĐƯỢC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT DOANH NGHIỆP CÓ HOẠT ĐỘNG IR ĐƯỢC ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ CAO NHẤT

Tư vấn thực hiện deal M&A cho tổ chức nước ngoài trở thành cổ đông lớn của VPD
Top 3 Doanh nghiệp có hoạt động IR được định chế tài chính đánh giá cao nhất năm 2022
Top 2 Doanh nghiệp có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất năm 2022

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI) cung cấp đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính theo Tiêu chuẩn Quốc tế bao gồm:



DỊCH VỤ
NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



MÔI GIỚI
CHỨNG KHOÁN



TƯ VẤN ĐẦU TƯ,
TƯ VẤN TÀI CHÍNH



LƯU KÝ
CHỨNG KHOÁN



TỰ DOANH
CHỨNG KHOÁN



PHÂN TÍCH,
PHÁT TRIỂN CHỈ SỐ



BẢO LÃNH PHÁT HÀNH
CHỨNG KHOÁN



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông có quyền: thông qua định hướng phát triển của Công ty; quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; quyết định về việc tăng giảm vốn điều lệ Công ty; quyết định tổ chức và giải thể Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, bao gồm 5 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

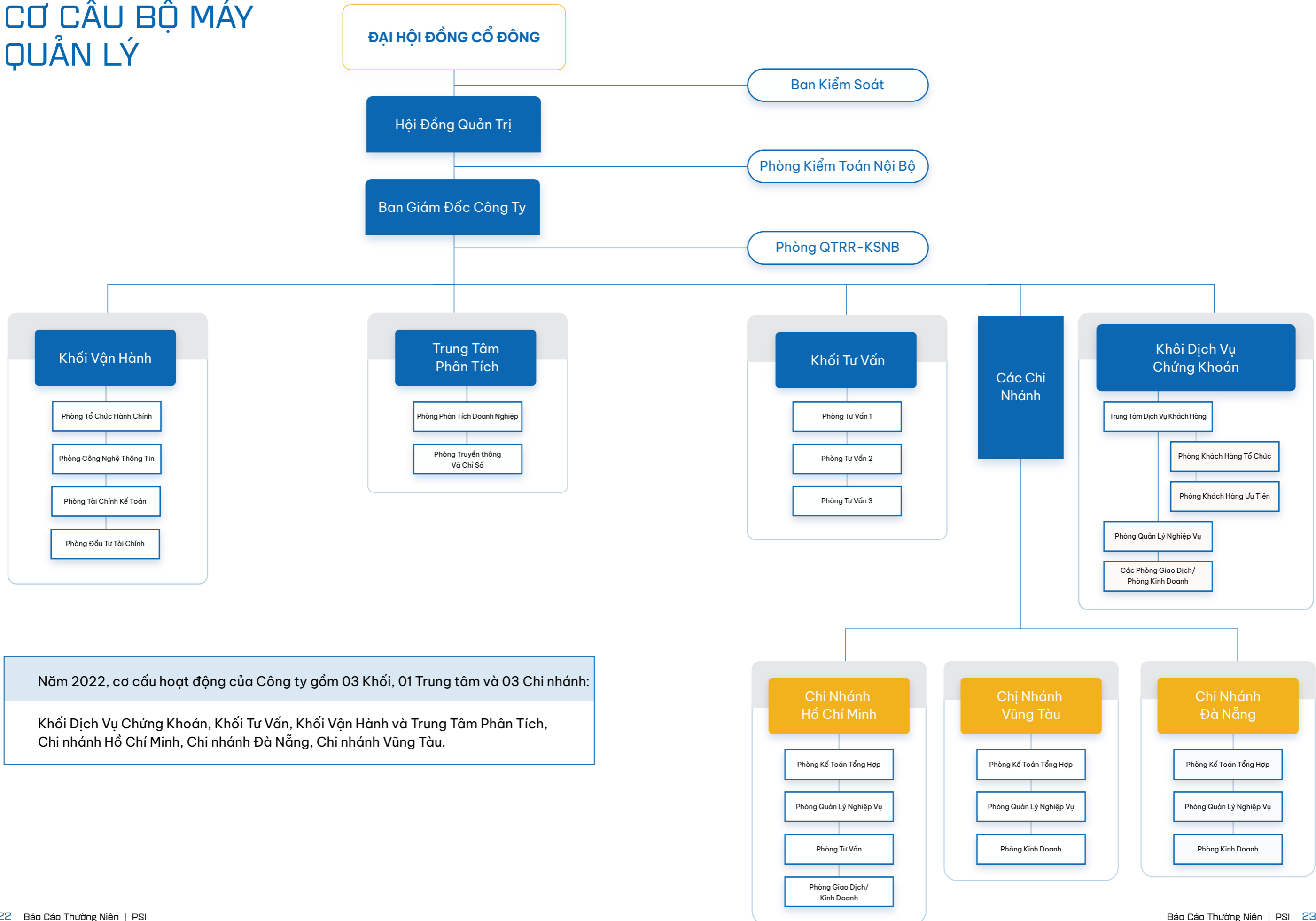
Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm. Ban Kiểm soát được Đại hội đồng Cổ đông giao thực hiện quyền giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại Hội đồng Cổ đông về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm

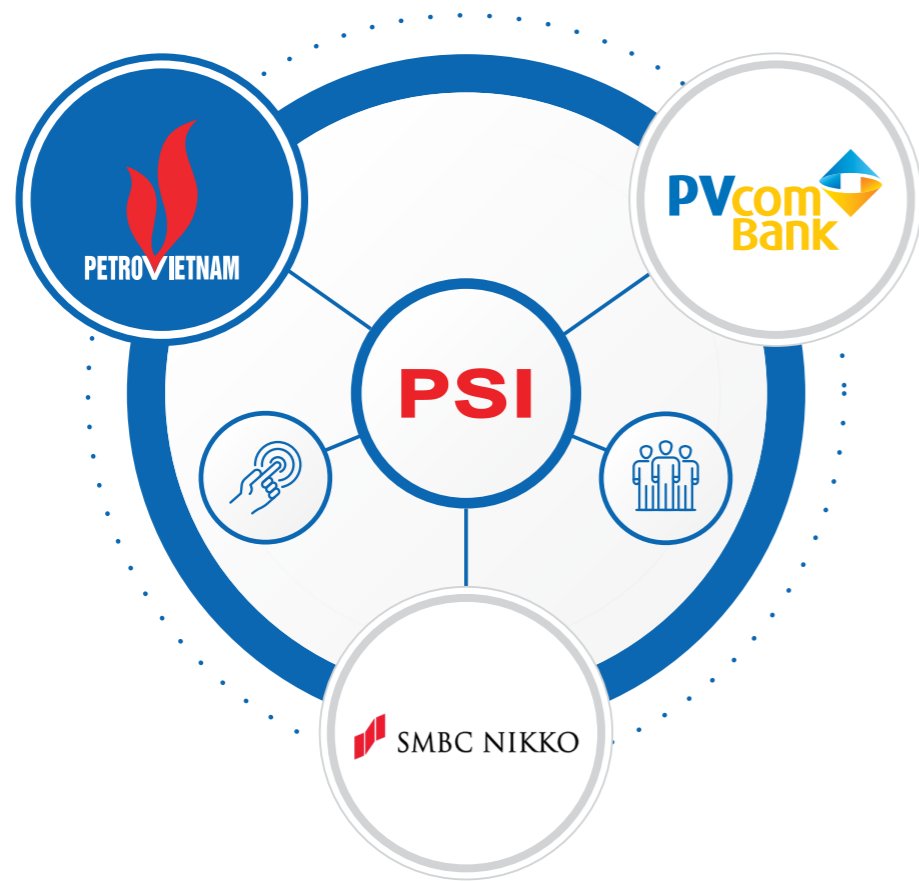


CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



Năm 2022, cơ cấu hoạt động của Công ty gồm 03 Khối, 01 Trung tâm và 03 Chi nhánh:
 Khối Dịch Vụ Chứng Khoán, Khối Tư Vấn, Khối Vận Hành và Trung Tâm Phân Tích,
 Chi nhánh Hồ Chí Minh, Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Vũng Tàu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CHIẾN LƯỢC

**“03 TRỤ CỘT
02 NỀN TẢNG
01 MỤC TIÊU”**

Định hướng chiến lược của PSI là “3 trụ cột – 2 nền tảng – 1 mục tiêu”, trong đó 3 trụ cột là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Ngân hàng mẹ PVcomBank, Cổ đông ngoại chiến lược SMBC Nikko; 2 nền tảng là con người và công nghệ; 1 mục tiêu là Phát triển theo mô hình Ngân hàng đầu tư tập trung vào lĩnh vực năng lượng.

Với định hướng đó, PSI đã xây dựng một hệ thống khách hàng thân thiết bao gồm những tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước thuộc nhiều lĩnh vực, đặc biệt là các doanh nghiệp thành viên của Tập đoàn Dầu khí và khách hàng Nhật Bản. PSI cũng sở hữu hệ thống môi giới mạnh tại Hà Nội, TP. HCM, Vũng Tàu, Đà Nẵng và đội ngũ nhân sự chất lượng, tâm huyết, gắn bó với Công ty.

Cùng với việc ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất, PSI đã xây dựng hệ sản phẩm đa dạng, linh hoạt, tối ưu lợi ích sử dụng vốn của khách hàng, giúp khách hàng có hành trình đầu tư bền vững và hiệu quả.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

- 10/2005 - 04/2007: Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng Công ty Bảo hiểm Dầu Khí
- 6/2007 - 10/2007: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Thăng Long
- 10/2007 - 10/2013: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam
- 10/2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank)
- 03/2016 đến nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí



Ông Trịnh Thế Phương

Ủy viên Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Luật, Luật sư
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

- 1999 - 2002: Cán bộ nhân sự Công ty Gạch Men Hoàng Gia, KCN Mỹ Xuân, Bà Rịa - Vũng Tàu
- 2002 - 2007: Cán bộ Ủy ban nhân dân Huyện Thạch Thạch - Thanh Hóa
- 2007 - 2010: Chuyên viên Ban Đầu tư; Phó giám sát tuân thủ - Ban Pháp chế Công ty Tài chính Dầu khí
- 2011 - 2017: Trưởng Ban TCHC&PC Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công Đoàn Dầu khí Việt Nam
- 2013 - 2015: Giám đốc Khối Pháp chế Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam
- 2015 đến nay: Giám đốc Khối Tái Thẩm Định Phê duyệt - Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí



Bà Hồ Việt Hà

Ủy viên Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

- 2002 - 2013: Phó Giám đốc Khối Đầu tư, Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.
- 2013 - 2017: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái Cấu trúc Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.
- 2017 đến nay: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái Cấu trúc Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam; Ủy viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

Ông Nguyễn Xuân Hưng

Ủy viên Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán

- 08/2007 - 04/2009: Giám đốc Ban Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2009 - 05/2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 05/2009 - 04/2019: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2019 - 06/2022: Phó Giám đốc phụ trách Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 06/2022 - 01/2023: Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Anh Đức

Ủy viên Hội đồng Quản trị
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong
lĩnh vực Tài chính

- 12/1994 - 12/1995: Nhân viên Công ty Bảo Việt Hà Nội
- 02/1995 - 10/2001: Trưởng nhóm PVI
- 10/2001 - 02/2002: Phó ban Bảo Hiểm Dầu khí PVI
- 02/2002 - 10/2006: Trưởng Ban Bảo Hiểm Dầu khí PVI
- 10/2006 - 04/2022: Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm Dầu khí PVI; Ủy viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Ông Trần Tuấn Anh

Ủy viên Hội đồng Quản trị độc lập
Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong
lĩnh vực Tài chính

- 2004 - 2005: Chuyên viên Khối hoạt động Citibank Việt Nam
- 2006 - 2007: Trưởng phòng đầu tư - Công ty Cổ phần Phát Đạt
- 2010 - 2017: Phó trưởng phòng, Trưởng phòng, Phó Giám đốc Đầu tư - VinaCapital
- 2012 - 2016: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần VALC
- 2013 - 2018: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Di động
- 2016 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần Hạ Tầng Viễn Thông Sao Việt
- 2020 đến nay: Chủ tịch Công ty Cổ phần Đầu tư BFK; Chủ tịch Công ty Cổ phần Solaria; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Trường Giang Sapa.
- 04/2022 đến nay: kiêm nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí



BAN GIÁM ĐỐC



Bà Phan Quỳnh Nga

Phó Giám đốc
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính,
Chứng khoán

- 01/2007 - 07/2010: Chuyên viên Phòng Môi giới - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 07/2010 - 08/2013: Phó Giám đốc Ban Quản lý nghiệp vụ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 08/2013 - 06/2018: Phó Phòng phụ trách; Trưởng phòng Quản lý nghiệp vụ - Khối Dịch vụ Chứng khoán - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 07/2018 - 12/2019: Phó Giám đốc phụ trách Khối kiêm Trưởng Phòng Quản lý nghiệp vụ Khối Dịch vụ Chứng khoán - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 12/2019 - 02/2022: Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 02/2022 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí



Ông Nguyễn Mạnh Cường

Phó Giám đốc
Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
Hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính

- 02/2018 - 03/2019: Phó phòng Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2019 - 12/2019: Phó phòng phụ trách Tổ chức hành chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 01/2020 - 03/2020: Trưởng Phòng TCHC - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 03/2020 - 09/2020: Phó Giám đốc phụ trách Khối Vận hành kiêm Trưởng phòng Đầu tư tài chính - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 10/2020 - 02/2021: Giám đốc Khối Vận hành - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 27/02/2021 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Xuân Hưng

Giám đốc
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán

- 08/2007 - 04/2009: Giám đốc Ban Đầu tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2009 - 05/2009: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 05/2009 - 04/2019: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2019 - 06/2022: Phó Giám đốc phụ trách Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 06/2022 - 01/2023: Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Bà Vũ Thị Trà My

Kế toán Trưởng
Cử nhân Kế toán-Kiểm toán
Hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán

- 08/2008 - 06/2009: Kế toán tổng hợp - Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Trường Thành
- 06/2009 - 09/2010: Kế toán tổng hợp - Công ty CP tư vấn thiết kế và xây dựng HAVINCO
- 09/2010 - 08/2014: Kế toán tổng hợp - Công ty CP Tập đoàn F.I.T
- 08/2014 - 01/2019: Kế toán trưởng/Trưởng Phòng TCKT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam
- 02/2019 - 04/2019: Cán bộ Phòng TCKT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 04/2019 - 02/2023: Kế toán trưởng/Trưởng Phòng TCKT - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Nhiệm

Trưởng Ban Kiểm soát
Thạc sĩ Tài chính Kế toán
Hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kế toán và Kiểm toán.

- 1986 - 09/1995: Tổ trưởng bộ môn kế toán, Trường Trung học TCKT I, nay là Trường Đại học Tài chính QTKD
- 10/1995 - 08/1997: Chuyên viên Kiểm toán Nhà nước
- 09/1997 - 12/2000: Tổ trưởng Kiểm toán nội bộ, Công ty Thủ công Mỹ Nghệ - Bộ Thương mại
- 01/2001 - 11/2006: Chuyên viên Ban TCKT, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- 12/2006 - 12/2007: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 01/2008 - 04/2010: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 05/2010 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Bà Nguyễn Thị An

Thành viên Ban Kiểm soát
Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Kiểm toán.

- 07/2002 - 06/2004: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH LT
- 06/2004 - 07/2006: Giao dịch viên Techcombank Thăng Long
- 07/2006 - 11/2007: Kiểm soát viên Techcombank Thăng Long
- 11/2007 - 01/2008: Phụ trách PGD Techcombank Phạm Sư Mạnh
- 01/2008 - 05/2010: Chuyên viên TDDN, PVFC Thăng Long
- 05/2010 - 10/2013: Phó phòng phụ trách Phòng KHDN, PVFC Láng Hạ
- 10/2013 - 10/2017: Trưởng BP Quản lý tín dụng đơn vị, Ngân hàng TM Cổ phần Đại chúng Việt Nam
- 10/2017 đến nay: Kiểm toán viên chính - Ngân hàng TM Cổ phần Đại chúng Việt Nam
- 04/2018 đến nay: kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí

Ông Bùi Thế Anh

Thành viên Ban Kiểm soát
Cử nhân Tài chính Đầu tư,
Hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực
Tài chính

- 01/2002 - 12/2006: Chuyên viên đầu tư dự án/Tổ trưởng Tổ Kinh doanh Chứng khoán Phòng Đầu tư. Thành viên Ban chuẩn bị thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Công ty Tài chính Dầu khí (PVFC)
- 01/2007 - 10/2009: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM/Giám đốc Ban Kinh doanh và Dịch vụ Chứng khoán/Trưởng phòng Môi giới và Lưu ký Chứng khoán/Trưởng phòng Đầu tư, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí
- 11/2009 - 12/2010: Giám đốc Ban kinh doanh/Trưởng ban Chuyển đổi và Tái cấu trúc Công ty

- 01/2011 - 04/2015: Phó Giám đốc Công ty/Trưởng Ban Đầu tư và Kinh doanh Tài sản, Giám đốc Ban Kế hoạch và Kiểm soát/Ban Kế hoạch Tổng hợp, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Tài sản Việt Nam (trước đây là PVFC Invest)
- 06/2015 đến nay : Phó Giám đốc Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thành Việt
- 11/2015 - 04/2020: Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Máy Hà Nội
- 04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT/Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vạn Khởi Thành
- 04/2016 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí



CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ THẾ GIỚI

Thị trường chứng khoán thế giới bắt đầu năm 2022 bằng những thông tin không mấy tích cực như việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) bắt đầu thắt chặt chính sách tiền tệ thông qua việc công bố kết thúc sớm chương trình mua trái phiếu và bắt đầu tăng lãi suất kể từ tháng 3/2022; thông tin Nga mở chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ukraine và Mỹ tuyên bố cấm nhập khẩu dầu từ Nga đã khiến cho giá dầu thế giới lên đỉnh của 14 năm. Việc căng thẳng địa chính trị leo thang và giá các mặt hàng hóa tăng đột biến đã làm dấy lên lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu và lạm phát sau giai đoạn đình trệ, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu vì dịch bệnh COVID-19. Theo đó, tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường bị ảnh hưởng tiêu cực và dòng vốn đầu tư vào các loại tài sản rủi ro suy giảm, ảnh hưởng chung đến thị trường chứng khoán trên toàn cầu.

RỦI RO VỀ LẠM PHÁT

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý 4 và năm 2022 của Tổng cục Thống kê, tính chung cả năm 2022, CPI tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu đề ra. Cùng với đó, bình quân năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 2,59% so với năm 2021, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,15%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, xăng, dầu và gas tăng. Rủi ro lạm phát sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, hoạt động huy động vốn, gây biến động trên thị trường chứng khoán và tác động trực tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Rủi ro về tỷ giá hối đoái có thể tác động gián tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty do tác động tới các nhà đầu tư nước ngoài là khách hàng và đối tác chiến lược của PSI. Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã đối mặt với cú sốc tỷ giá khi đã có lúc, VND mất giá gần 9% so với USD trong tháng 11/2022. Trước tình hình trên, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai nhiều biện pháp nhằm ổn định tỷ giá như bán dự trữ ngoại hối, nâng lãi suất VND, hút bớt VND qua kênh tín phiếu, tăng biên độ giao dịch tỷ giá từ mức +3% lên +5%. Theo đó, dự trữ ngoại hối của Việt Nam cũng đã giảm từ gần 110 tỷ USD vào cuối tháng 1/2022 xuống còn khoảng 89 tỷ USD vào cuối tháng 12/2022. Đến cuối tháng 12/2022, khi đồng USD có dấu hiệu quay đầu giảm, Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành mua ngoại tệ với tỷ giá tham khảo ở mức 23.450 VND/USD, quy mô lên tới khoảng 3 tỷ USD chỉ trong thời gian ngắn. Có thể nói, nhờ sự linh hoạt trong chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước, thị trường ngoại tệ đã được ổn định, giữ niềm tin cho nhà đầu tư nước ngoài để tiếp tục đầu tư vào Việt Nam.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Biến động về lãi suất tác động trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty có thực hiện nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ và phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Mặt bằng lãi suất tăng mạnh trong năm 2022 do chính sách tiền tệ thắt chặt đã khiến cho lãi suất cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty phải tăng thêm. Trong bối cảnh giao dịch trên thị trường chứng khoán trầm lắng hơn giai đoạn 2020-2021, rủi ro lãi suất đã khiến cho kênh đầu tư chứng khoán trở nên kém hấp dẫn hơn, tác động tới kết quả hoạt động môi giới cho cho vay ký quỹ của Công ty.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung các văn bản liên quan đến Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan đến chứng khoán, thị trường chứng khoán, tiền tệ, thị trường vốn và các loại thuế của Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty.

RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Sau khi VN-Index tạo đỉnh đầu quý II/2022, những khó khăn dần lộ diện với ngành chứng khoán đã tác động mạnh đến nguồn thu từ các mảng nghiệp vụ. Thanh khoản sụt giảm kéo theo doanh số từ mảng môi giới lao dốc. Bên cạnh đó, thị trường trái phiếu doanh nghiệp đóng băng, thiếu vắng các thương vụ thoái vốn, phát hành, IPO nửa cuối năm ảnh hưởng đến thu từ mảng tư vấn, bảo lãnh phát hành. Hệ quả tất yếu là doanh nghiệp cần trọng hơn trong việc mở rộng kinh doanh, nhu cầu tuyển dụng giảm đi và quyết định cắt giảm nhân sự để tái cơ cấu hoạt động.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay, môi giới khách hàng cá nhân được xem là mảng kinh doanh trọng yếu khi các nhà đầu tư cá nhân chiếm hơn 85% tổng giá trị giao dịch hàng ngày trên thị trường. Đặc biệt trong bối cảnh thị trường đối mặt với những biến động, nhiều nhà đầu tư rời bỏ thị trường, sự cạnh tranh ở mảng kinh doanh này ngày càng trở nên khốc liệt hơn. Các Công ty Chứng khoán (CTCK) dùng nhiều cách để tăng được thị phần và chiếm lĩnh số tài khoản mở mới (cạnh tranh về ưu đãi khi mở tài khoản, tăng cường số lượng môi giới hoặc dùng tập hợp khách sẵn có nếu như có ngân hàng mẹ là chủ sở hữu...). Đồng thời, tăng cường tương tác để khách hàng nạp tiền thêm, gia tăng khả năng giữ chân khách hàng và tăng cường các sản phẩm bán chéo như chứng chỉ quỹ, chứng chỉ tiền gửi.... Song song với các hoạt động trên, các CTCK cũng duy trì việc đầu tư vào hệ thống phân tích và lưu trữ dữ liệu khách hàng, hành vi mua bán để có thể bán chéo tự động một cách hiệu quả trong tương lai.

DEE

PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	40
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH	42
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	42
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	43
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	45
YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG	46
VĂN HÓA DOANH NGHIỆP	50



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2022 TIẾP TỤC LÀ MỘT NĂM KHÓ KHĂN, PHỨC TẠP CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

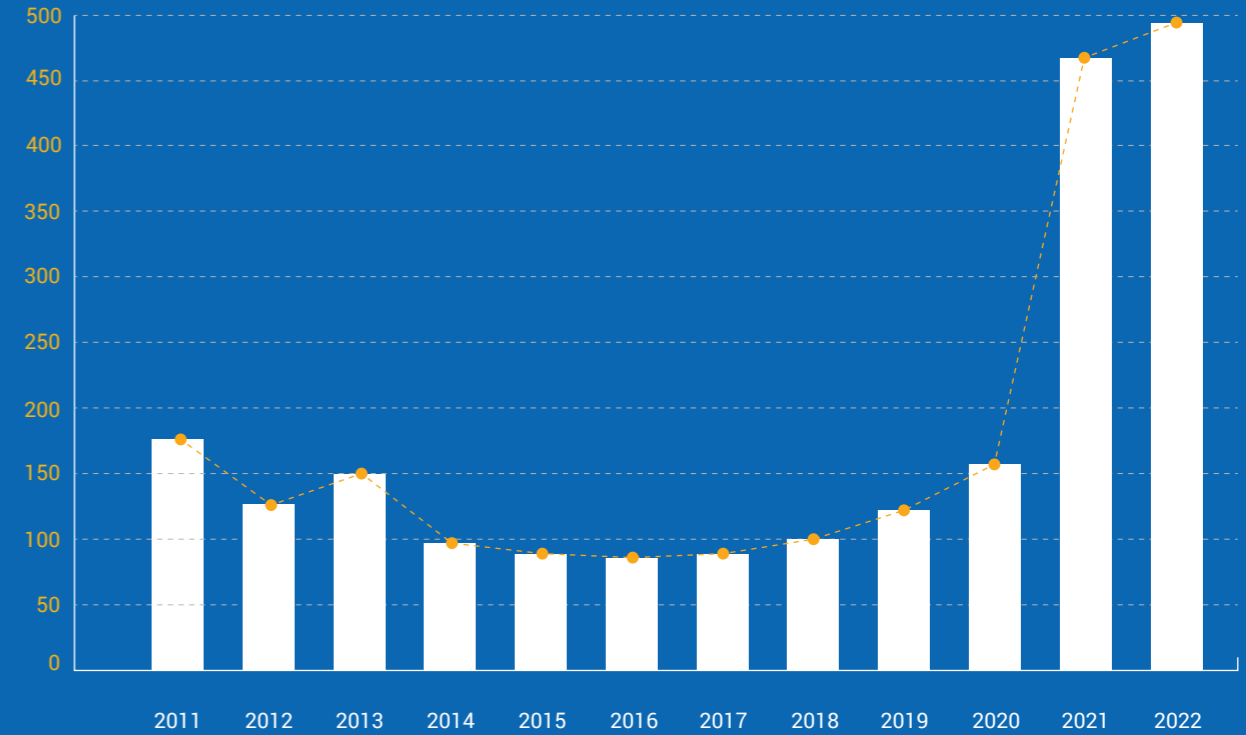
Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn, phức tạp của nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Thị trường chứng khoán trong nước phải đối diện với nhiều diễn biến phức tạp, xuất phát từ nhiều yếu tố cả trong và ngoài nước như tình hình dịch Covid-19; tăng giá nguyên - nhiên vật liệu trên thế giới do tắc nghẽn chuỗi cung ứng, sản lượng sản xuất không đáp ứng kịp nhu cầu gia tăng khi các nền kinh tế hồi phục; mức dư nợ giao dịch ký quỹ toàn thị trường tăng nhanh trong thời gian qua, cùng với việc Nhà đầu tư cá nhân tăng tỷ trọng trên thị trường chứng khoán Việt Nam, cũng tiềm ẩn rủi ro cho thị trường khi tính ổn định của dòng vốn chưa cao; tình hình kinh tế - chính trị thế giới trong năm 2022 tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước, đặc biệt là xung đột giữa Nga và Ukraine đang ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế thế giới...

ĐVT: Tỷ đồng

STT	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	TỶ LỆ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
I	Tổng doanh thu	380.00	483.87	127%
1	Hoạt động Dịch vụ chứng khoán	230.00	236.00	103%
1.1	Môi giới chứng khoán	75.00	69.31	92%
1.2	Lưu ký chứng khoán	8.00	7.55	94%
1.3	Dịch vụ tài chính	140.00	147.27	105%
1.4	Doanh thu khác	7.00	11.87	170%
2	Hoạt động đầu tư, góp vốn	100.00	180.15	180%
3	Hoạt động tư vấn	30.00	33.98	113%
4	Hoạt động phân tích, chỉ số	4.00	4.00	100%
5	Doanh thu khác	16.00	29.74	186%
II	Tổng chi phí	357.50	457.53	128%
III	Lợi nhuận khác		0.24	0%
IV	Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	50.00	51.90	104%
V	Lợi nhuận sau thuế	22.50	26.58	118%

Nguồn: Báo cáo tài chính PSI

Tổng Doanh thu năm 2022 đạt 483.87 tỷ đồng hoàn thành 127% kế hoạch 2022



Cụ thể doanh thu từ các hoạt động chính năm 2022 như sau:

236
TỶ ĐỒNG
→

DOANH THU DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Doanh thu Dịch vụ Chứng khoán đạt 236 tỷ đồng hoàn thành 103% kế hoạch năm 2022. Doanh thu phí môi giới đạt 69.31 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch năm 2022. Doanh thu dịch vụ tài chính đạt 147.27 tỷ đồng hoàn thành 105% kế hoạch 2022. Doanh thu khác đạt 11.87 tỷ đồng hoàn thành 170% kế hoạch 2022.

33.98
TỶ ĐỒNG
→

DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt 33.98 tỷ đồng hoàn thành 113% kế hoạch năm 2022. Hoạt động tư vấn tiếp tục bám sát và khai thác các dịch vụ truyền thống từ các doanh nghiệp trong ngành PVN và các đơn vị thành viên PVN. Phát triển các khách hàng mới với dịch vụ gia tăng: tư vấn phân phối, tư vấn đại chúng, tư vấn tăng vốn với các khách hàng là Novaland, Sông Đà, ASG, Fecon. Ngoài ra Khối Tư vấn phối hợp bán chéo sản phẩm dịch vụ với Khối dịch vụ chứng khoán theo các hợp đồng lưu ký và chuyển nhượng, quản lý tài sản đảm bảo cho các trái phiếu: Đại Hùng, Tech Dragon, Nova Hospitality, Goca, dịch vụ đăng ký chào mua công khai với ASG.

180.15
TỶ ĐỒNG
→

DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, GÓP VỐN

Doanh thu từ hoạt động đầu tư, góp vốn đạt 180.15 tỷ đồng tương đương 180% kế hoạch năm 2022.

29.74
TỶ ĐỒNG
→

DOANH THU KHÁC

Doanh thu khác năm 2022 đạt 29.74 tỷ đồng, hoàn thành 186% Kế hoạch năm 2022.

2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

• Bổ nhiệm bà Phan Quỳnh Nga – Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 10/02/2022 theo Quyết định số: 02/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 10/02/2022;

• Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Hưng – Giám đốc Công ty kể từ ngày 15/06/2022 theo Quyết định số: 12/QĐ-HĐQT-CKDK ngày 15/06/2022.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

01

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ MỚI

Các hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong năm 2022 được xây dựng phương án đầu tư trên cơ sở phân tích dự báo tình hình thị trường và kinh tế trong, ngoài nước. Các cơ hội đầu tư đều được đánh giá độc lập bởi Trung tâm Phân tích PSI nhằm đảm bảo sự an toàn trong danh mục đầu tư và hạn chế những rủi ro từ các yếu tố thị trường. Thông qua các phương án đầu tư đã được kiểm định, PSI đánh giá và triển khai các cơ hội đầu tư phù hợp trong từng thời điểm giải ngân. Trong năm, PSI đã thực hiện đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp có nền tảng tốt, mang lại nguồn lợi tức ổn định. PSI cũng phát triển các sản phẩm bán lẻ trái phiếu nhằm đa dạng hóa các kênh đầu tư hướng tới đáp ứng đa dạng nhu cầu của Khách hàng.

02

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ

Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh Đạo Công ty tiếp tục tập trung vào nhiệm vụ cơ cấu lại danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư, giảm tỷ lệ đầu tư chứng khoán chưa niêm yết xuống tỷ lệ theo đúng quy định. PSI tích cực tìm kiếm các cơ hội thoái vốn các khoản đầu tư trong danh mục để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Trong năm 2022, PSI đã thu hồi 100% công nợ khó đòi từ nhóm Khách hàng phát sinh trước 2016; Hoàn thành thoái vốn 100% cổ phần tại 5 doanh nghiệp trong danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (danh mục OTC)

Đồng thời, kiện toàn nhân sự quản lý danh mục đầu tư nhằm tăng cường vai trò giám sát, quản trị và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Bộ phận chức năng đã chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, cập nhật và báo cáo định kỳ hàng tháng

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	2022	2021
Tổng giá trị tài sản	2,015,326,953,572	2,215,989,665,281
Doanh thu thuần	483,872,393,838	455,136,144,027
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26,335,568,431	43,438,251,736
Lợi nhuận khác	241,609,828	127,418,651
Lợi nhuận trước thuế	26,577,178,259	43,565,670,387
Lợi nhuận sau thuế	26,577,178,259	35,152,851,231
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		
Lợi nhuận còn lại của năm	26,577,178,259	27,135,951,231
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PSI

Các chỉ số tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	2022	2021	Ghi Chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.46	1.36	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1.46	1.36	Không có hàng tồn kho
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.67	0.71	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2.06	2.40	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.24	0.21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.05	0.08	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.04	0.05	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.01	0.02	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0.05	0.10	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán PSI

Báo Cáo Thường Niên | PSI 43



Tổng Doanh thu
483.87
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế
26.58
tỷ đồng

Hoạt động tự doanh
180.15
tỷ đồng

Hoạt động Chứng khoán
236
tỷ đồng

Hệ số nợ/tổng tài sản
0.67

Nợ/vốn chủ sở hữu
2.06

KẾT QUẢ KINH DOANH PSI

Năm 2022 là một năm đầy khó khăn với thị trường chứng khoán nói chung và PSI nói riêng. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ từ phía ngân hàng mẹ PVComBank kết hợp những định hướng đúng đắn từ phía ban điều hành của PSI cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty nên PSI đã hoàn thành kế hoạch đã đề ra, cụ thể, tổng doanh thu đạt 483.87 tỷ đồng, hoàn thành 127% kế hoạch năm 2022 và lợi nhuận sau thuế đạt 26.58 tỷ đồng, tương đương hoàn thành 118% kế hoạch đặt ra. Năm 2022, tiếp tục là một năm mang lại doanh thu cao nhất lịch sử với PSI.

Doanh thu từ hoạt động tự doanh đạt 180.15 tỷ đồng, tăng 34.34% so với năm 2021, chiếm 37.23% tổng doanh thu công ty. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ chứng khoán đạt 236 tỷ đồng, tương đương 89.9% cùng kỳ năm trước và chiếm đến 48.77% tổng doanh thu năm 2022. Doanh thu từ hoạt động tư vấn và hoạt động khác ghi nhận những sự tăng trưởng nhẹ so với năm trước

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2022

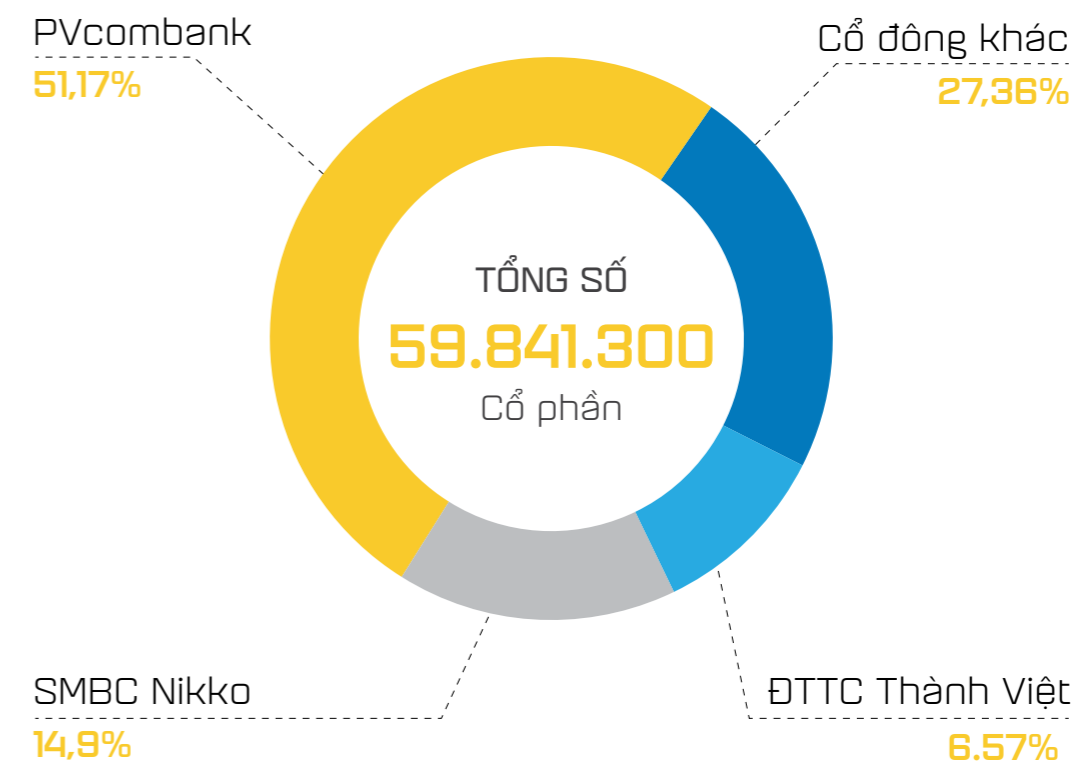
Trong bối cảnh thị trường chứng khoán còn nhiều khó khăn, nhu cầu sử dụng vay ký quỹ của khách hàng suy giảm, nên các khoản cho vay đã giảm đến 35.18% so với cùng kỳ 2021.

Về vị thế tài chính, hệ số nợ/tổng tài sản và nợ/vốn chủ sở hữu của PSI lần lượt giảm còn 0.67 và 2.06, qua đó cho thấy tỷ lệ an toàn tài chính của PSI đã được tăng lên. Hệ số thanh toán của PSI cũng tăng từ mức 1.36 lên 1.46 cho thấy PSI vẫn đang duy trì khả năng thanh khoản cao và đủ vốn để thực hiện các nghĩa vụ nợ ngắn hạn.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Số cổ phần đang lưu hành	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần tự do chuyển nhượng	59.841.300 cổ phần
Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần



Cơ cấu Cổ đông

STT	Tên Cổ đông	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỉ lệ
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	30.622.674	306.226.740.000	51,17%
2	SMBC Nikko Securities Inc.	8.916.300	89.163.000.000	14,90%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thành Việt	3.931.200	39.312.000.000	6,57%
4	Các Cổ đông khác	16.371.126	163.711.260.000	27,36%
5	Cộng	59.841.300	598.413.000.000	100%

6. YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Kế thừa sự phát triển của năm 2021 về nền tảng công nghệ, năm 2022 vừa qua công nghệ thông tin đã bám sát mục tiêu hỗ trợ hoạt động kinh doanh với các sản phẩm mới đưa vào vận hành như:

- Mở Tài khoản giao dịch chứng khoán trực tuyến định danh tích hợp eKYC.
- Bổ sung phân hệ Quản lý tiền tự động (PMA)
- Nâng cao mức độ an toàn, đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ thông tin luôn ổn định thông qua việc chuyển đổi địa điểm từ Trung tâm dữ liệu tự thiết kế sang Trung tâm dữ liệu thuê ngoài của đơn vị chuyên nghiệp đạt các tiêu chuẩn Quốc tế (ISO 9001:2001 và ISO 27001. DC tiêu chuẩn Tier 3 – TIA942)

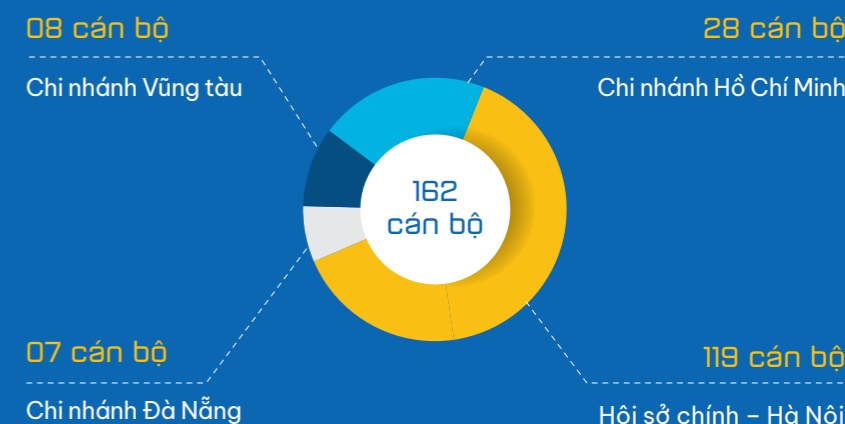
Được sự quan tâm và chú trọng đầu tư của Ban Lãnh đạo Công ty, các kế hoạch trọng tâm phát triển công nghệ thông tin trong năm tiếp theo (2023) đã được sớm được lên lịch bao gồm:

- Đầu tư nâng cấp Hạ tầng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả vận hành doanh nghiệp với việc từng bước số hóa các hoạt động lưu trữ, xử lý công việc tập trung, xây dựng hệ thống báo cáo hỗ trợ hoạt động quản trị.
- Phát triển, cập nhật nâng cấp các sản phẩm Thu hộ tài khoản định danh, Chi hộ 24/7; Nâng cấp tính năng hỗ trợ
- Thông báo trên ứng dụng Mobile Trading;
- Cân đối nguồn lực, sắp xếp, đề xuất tìm kiếm bổ sung nhân sự có chất lượng đảm bảo hoàn thành các kế hoạch đặt ra.

NGUỒN NHÂN LỰC



Tính đến 31/12/2022, tổng số lượng cán bộ nhân viên công ty là 162 cán bộ, trong đó:



Chính sách đãi ngộ, tuyển dụng nhân tài

Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu chính sách tuyển dụng của Công ty là thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao. Tiêu chí tuyển dụng dựa trên năng lực chung, năng lực chuyên môn và tố chất cá nhân phù hợp văn hóa Công ty và vị trí công việc của ứng viên.

Chính sách đào tạo:

Chính sách đào tạo hàng năm nhằm phát triển năng lực cho mọi cấp bậc nhân viên. Công ty đã chú trọng đào tạo hội nhập, đào tạo kỹ năng tin học văn phòng, đào tạo chứng chỉ chuyên môn và kỹ năng làm việc khác. Hình thức đào tạo được thực hiện dưới dạng đào tạo bên ngoài (trong và nước ngoài) và bên trong (huấn luyện/đào tạo tại chỗ bởi đội ngũ quản trị viên - giảng viên nội bộ).

Chính sách đãi ngộ:

Trong năm 2022, Công ty đã ban hành lại Quy định trả lương và điều chỉnh phương án chi lương năng suất, giúp việc chi trả lương gắn với hiệu quả công việc của từng đơn vị và cá nhân, góp phần cho sự phát triển ổn định của Công ty. Đồng thời, Công ty cũng phối hợp với Đơn vị tư vấn để xây dựng chính sách lương thưởng công bằng, phù hợp với các biến động của thị trường.

Mục tiêu hướng tới:

- Trả công xứng đáng trên cơ sở năng lực, phẩm chất và hiệu quả công việc của người lao động;
- Duy trì đội ngũ nhân lực giỏi, tận tâm;
- Hấp dẫn đội ngũ lãnh đạo có năng lực xuất sắc và phẩm chất tốt;
- Khuyến khích người lao động tự hoàn thiện bản thân phù hợp với năng lực cốt lõi và định hướng phát triển của Công ty;
- Gắn kết sự thành đạt của cá nhân với thành công của Công ty. Ngoài ra, Công ty đang thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo Luật Lao động:
- Thực hiện các hình thức phúc lợi bổ sung như bảo hiểm tai nạn và chăm sóc sức khỏe cho người lao động.
- Các hình thức đãi ngộ phi vật chất khác giúp xây dựng và định hình nét văn hóa riêng đặc sắc của công ty như: Team Building, ngày Quốc tế phụ nữ, 20/10, 14/02. ...

Chính sách chăm sóc sức khỏe, đời sống người lao động của Công đoàn PSI

a) Tham mưu, tham gia xây dựng, triển khai, giám sát thực hiện các chính sách liên quan đến người lao động:
 Tổ chức Tổng kết hoạt động Công Đoàn 2021, Hội nghị Người lao động 2022. Đại Hội Công Đoàn nhiệm kỳ 2023-2025, tham gia đóng góp ý kiến trong Hội đồng Lương, Hội đồng Thi đua khen thưởng, Tổ Tư vấn Lương 2022;

b) Chăm lo đời sống vật chất:

- Thanh toán chế độ chính sách cho cán bộ PSI theo từng Quý: sinh nhật, thăm hỏi, hiếu hỉ... Ban Chính sách Xã hội thực hiện tổng hợp danh sách trong cuối mỗi quý, thực hiện kiểm tra, chi trả cho người lao động trong tháng tiếp theo.
- Tổ chức, tham gia các hoạt động hiếu, hỉ nội bộ của đơn vị: BCH Công đoàn thực hiện ứng trước các trường hợp thăm hỏi, động viên cán bộ, thân nhân cán bộ trong các trường hợp phải nằm viện điều trị. Việc hiếu hỉ của cán bộ được đầu mối Công đoàn thông báo bằng email, BCH Công đoàn hoặc đại diện luôn cố gắng sắp xếp thời gian để tham gia động viên công đoàn viên;
- Chi khuyến khích cho toàn thể người lao động Tết Âm lịch Nhâm Dần mức 1.000.000/người;
- Đề xuất, thực hiện tổ chức nghỉ mát cho toàn thể CBNV PSI tại Sapa Lào Cai, tháng 08/2022;
- Phối hợp cùng phòng TCHC điều chỉnh chính sách bảo hiểm khám chữa bệnh đối với CBNV, đảm bảo phù hợp, tránh lãng phí. Tái tục hợp đồng Bảo hiểm khám chữa bệnh với Bao Viet Health Care, hỗ trợ cán bộ công ty đăng ký gói bảo hiểm cho thân nhân. với Bao Viet Health Care, hỗ trợ cán bộ công ty đăng ký gói bảo hiểm cho thân nhân.

- Năm 2022, Công đoàn PSI tham gia đầy đủ các cuộc họp, hội nghị, hướng dẫn của Công đoàn PVcomBank, Công đoàn Dầu khí;
- Năm bắt tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng CBNV, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của CBNV: thực hiện đầy đủ và kịp thời khi NLĐ gặp khó khăn, vướng mắc;
- Công đoàn thực hiện giới thiệu các quần chúng/thanh niên ưu tú tham gia các lớp Cảm tình Đảng, hướng dẫn hỗ trợ để các đồng chí thanh niên có cơ hội đứng trong hàng ngũ của Đảng.

01

Công tác chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động



02

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng

03

Công tác nữ công

04

Công tác từ thiện, an sinh xã hội

05

Công tác Văn hoá văn nghệ, Thể dục thể thao

06

Công tác theo dõi, đánh giá và đề xuất thi đua khen thưởng công đoàn

- Tổ chức các hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03/2022: tổ chức tặng quà cán bộ nữ tại Hà Nội và chi hỗ trợ đối với các Chi nhánh, tổ chức meeting chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam đầm ấm, trang trọng;
- Do điều kiện chưa cho phép, thực tế khó khăn trong công tác tổ chức nên Công Đoàn PSI vẫn thực hiện chi hỗ trợ cán bộ nữ chi phí khám chuyên khoa định kỳ; Tổ chức cuộc thi tài năng PSI nhí, chấm điểm, trao giải cho các tác phẩm có chất lượng cao;

- Tham gia chương trình hiến máu “Giọt xuân hồng” tại PVcomBank Hội Sở tháng 03/2022.
- Thực hiện đóng góp cho các chương trình an sinh xã hội tại địa bàn khi có các chương trình vận động;

- Tham gia đầy đủ các hoạt động trong chuỗi sự kiện chào mừng Ngày hội Văn hóa PVcomBank 2022: Giải ba bóng đá Nam, chạy bộ online, đi bộ toàn Hàng;
- Đóng góp cho hoạt động, tổ chức của Đội bóng đá PSI, hỗ trợ chi phí duy trì sinh hoạt của Đội bóng. Phối hợp tổ chức các buổi giao lưu nội bộ cùng đội bóng đá Nam;
- Lực lượng cán bộ Đoàn Thanh niên đông đảo, nhiệt huyết là đầu mối phối hợp cùng Công đoàn tổ chức các hoạt động phong trào của Công ty, các hoạt động văn hóa quần chúng trong các dịp Lễ, Tết tại Công ty.

- Thực hiện theo dõi hoạt động phong trào và đề xuất khen thưởng cá nhân tích cực trong hoạt động Công đoàn. Hàng năm đều có đánh giá, động viên cán bộ có đóng góp cho các hoạt động phong trào của Công ty.

7. VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Văn hóa Dầu khí:

Khát vọng và nhiệt huyết là giá trị nổi bật trong văn hóa dầu khí, được xây dựng và bồi đắp suốt 60 năm phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, gắn liền với hình ảnh “những người đi tìm lửa”. Đây là giá trị được PSI - Công ty thành viên của PVN luôn gìn giữ và phát huy. Khát vọng của PSI là khẳng định vị thế và bản sắc riêng trên thị trường: Ngân hàng đầu tư tập trung vào lĩnh vực năng lượng.

Nét riêng trong Văn hóa PSI:

(1) Sự cẩn mẫn kiên trì của người làm nghề dịch vụ tài chính
(2) Sự năng động, nhạy bén của người làm ngành chứng khoán
(3) Đoàn kết, hỗ trợ giữa các thành viên. Các giải pháp của PSI để xây dựng văn hóa doanh nghiệp: (1) Phát triển môi trường làm việc cởi mở, tạo điều kiện phát huy năng lực và mở ra cơ hội phát triển cho mỗi cá nhân (2) Thúc đẩy hoạt động truyền thông nội bộ để làm cầu nối giữa tiếng nói của Ban lãnh đạo với lao động, giúp 2 bên thấu hiểu nhau, lan tỏa văn hóa doanh nghiệp và gắn kết các nhân sự, truyền tải tình yêu doanh nghiệp, tạo nên sức mạnh tập thể.

Tại PSI, con người là một trong 2 nền tảng và luôn được xem là tài sản trân quý nhất. Ban lãnh đạo quan điểm “Công ty là ngôi nhà thứ 2”, cần tạo dựng môi trường lành mạnh, công bằng, tạo động lực phấn đấu và phát huy khả năng của mỗi cá nhân, giúp họ yên tâm công tác và luôn mang trong mình niềm tự hào khi là thành viên của Công ty.

Năm 2022, Ban Lãnh đạo đã luôn trăn trở và lựa chọn MCG là đối tác phát triển Dự án “Xây dựng Quy chế chi trả thu nhập cho CBNV”. Một Dự án vừa đảm bảo tính cạnh tranh với thị trường, vừa thúc đẩy hiệu suất của nhân sự, tăng mức độ hài lòng và gắn kết của CBNV. Chính sách thu nhập tại PSI luôn tương xứng với những gì CBNV cống hiến và đời sống tinh thần luôn được đặc biệt quan tâm.

Đặc biệt, dấu mốc 16 năm thành lập Công ty. PSI đã phát động các chương trình thi đua như phong trào “Một ngày làm việc của tôi”, “PSI League”, “Vượt thử thách cùng PSI”, “PSI Nhí”... Các chương trình giúp nâng cao đời sống tinh thần của CBNV, gắn kết, tạo cảm hứng và nâng cao hiệu quả công việc. Sau 2 năm lỡ hẹn do đại dịch COVID-19 hoành hành, Team Building mang tên “Khát vọng” đã được PSI tổ chức. Chuyến du lịch ba ngày hai đêm tại Sapa, hội tụ CBNV ba Miền mang theo tình cảm và tâm tư cùng nhau tạo thêm những kỷ niệm tuyệt vời trong mái nhà chung mang tên PSI.



DOE

PHẦN III. DỰ BÁO NĂM 2023 VÀ HÀNH ĐỘNG CỦA PSI

TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2022	54
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2022	55
TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2023	56
MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2023	58



1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2022

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ NĂM 2022

GDP	+8.02%	Tiếp tục tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực, tuy nhiên tốc độ tăng có xu hướng chậm lại theo đà suy yếu của các nền kinh tế lớn.
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)	3.15%	Lạm phát được Kiểm soát và đạt mục tiêu dưới 4% của Quốc hội sau khoảng thời gian tăng mạnh nửa đầu năm do giá xăng dầu lập đỉnh và gián đoạn chuỗi cung ứng khiến cho giá cả nguyên vật liệu đầu vào sản xuất liên tục duy trì ở mức cao.
TÍN DỤNG HUY ĐỘNG	Tín dụng: 14.5% Huy động: 5.99%	Tăng trưởng tín dụng ước tính đạt 14.5%. Hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN điều chỉnh nhẹ so với mức 14% trước đó do tỷ giá ổn định trở lại và lạm phát trong tầm Kiểm soát. Huy động tăng trưởng chậm, chỉ đạt 5.99% YTD nhưng có xu hướng tăng tốc về cuối năm khi mặt bằng lãi suất tăng lên.
LÃI SUẤT TIỀN GỬI	3M: 6.0% 6M: 7.87% 12M: 9.5%	Các NHTM tiếp tục cuộc đua tăng lãi suất huy động. Lãi suất huy động tiếp tục duy trì ở mức cao, tuy nhiên đã được giới hạn ở mức trần 9.5% đối với lãi suất huy động kỳ hạn dài. Thanh khoản hệ thống cải thiện và hạn mức tín dụng thấp cũng làm giảm nhu cầu huy động của các TCTD và làm chậm đà tăng của lãi suất.
FDI	+13.5%	Giải ngân vốn FDI cao nhất 5 năm, đạt 22.4 tỷ USD, tăng 13.5% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, vốn FDI đăng ký mới năm vừa qua lại chỉ đạt 27.7 tỷ USD, tương đương khoảng 89% cùng kỳ.
XUẤT KHẨU	+10.4%	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá năm 2022 ước đạt 370.63 tỷ USD, tăng 10.4% so với cùng kỳ nhưng tốc độ tăng chậm dần về cuối năm do số lượng đơn hàng xuất khẩu những tháng cuối năm giảm.
NHẬP KHẨU	+9.1%	Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá năm 2022 ước đạt 360.76 tỷ USD, tăng 9.1% so với cùng kỳ. Thặng dư thương mại năm 2022 ước đạt 9.9 tỷ USD, cao gấp đôi so với năm trước.

2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM TRONG NĂM 2022



Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua năm 2022 với nhiều thăng trầm. Chỉ số VNIndex liên tiếp lập đỉnh lịch sử ngay từ những phiên giao dịch đầu năm, nhưng sau đó giảm sâu cùng với thanh khoản ở mức rất thấp.

Một năm với nhiều dấu mốc lịch sử. Tiếp nối sự hưng phấn trong năm 2021, đà tăng của thị trường chứng khoán tiếp tục được duy trì trong những tháng đầu năm 2022, chỉ số VNIndex liên tục lập đỉnh lịch sử và đạt mức cao nhất kể từ khi thành lập thị trường chứng khoán vào phiên 6/1, đạt 1,528.27 điểm.

Tuy nhiên, sau đó thị trường bất ngờ giảm mạnh trước những diễn biến bất ngờ về cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine vào cuối tháng 2. Kết phiên cuối cùng năm 2022, VNIndex chốt phiên đạt giá trị 1,007.09 điểm, ứng với mức giảm 32.78% so với đầu năm. HNX và Upcom cũng lần lượt giảm với tỷ lệ là 56.68% và 36.41% kể từ đầu năm. Đáng chú ý, chỉ số VNIndex ghi nhận năm suy giảm mạnh nhất kể từ năm 2008 và là chỉ số có mức giảm mạnh nhất trong khu vực Đông Nam Á.

Thanh khoản thị trường trong năm 2022 cũng bùng nổ với hàng tỷ cổ phiếu được giao dịch mỗi phiên. Giá trị khớp lệnh có nhiều phiên vượt tỷ USD trong Quý I, đỉnh điểm vào ngày 10/1 khi thanh khoản toàn thị trường vượt hơn 2 tỷ USD. Đây là con số kỷ lục mà TTCK Việt Nam chưa từng chạm đến trong quá khứ. Đà tăng này sau đó dần chững lại trong giai đoạn nửa cuối năm 2022 do những yếu tố kìm hãm từ thị trường. Thanh khoản bình quân của HOSE đạt 15,435 tỷ đồng/phiên (giảm 22.34% yoy), trong khi chỉ tiêu này của HNX và UPCOM lần lượt đạt 1,773 tỷ đồng/phiên (giảm 38.33% yoy) và 947.18 tỷ đồng/phiên (giảm 35.91% yoy).

Biến động trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua xuất phát từ nhiều nguyên nhân, cả trong nước và quốc tế. Sau các biện pháp hỗ trợ kinh tế sau COVID-19, lạm phát đã tăng mạnh ở nhiều nơi trên thế giới khiến nhiều nền kinh tế phải tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ với nhịp độ nhanh, mạnh nhằm Kiểm soát lạm phát. Trong năm 2022, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã tăng lãi suất điều hành thêm 3,75 điểm % qua 6 lần điều chỉnh. Sau các bước điều chỉnh lãi suất liên tục của FED trong thời gian vừa qua, Ngân hàng Nhà nước cũng đã 2 lần điều chỉnh tăng lãi suất điều hành nhằm ứng phó với lạm phát và giảm tác động từ bên ngoài. Mặt bằng lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cũng đã gia tăng, thu hút dòng tiền quay trở lại hệ thống ngân hàng và giảm sự hấp dẫn của kênh đầu tư chứng khoán trong ngắn hạn. Ngoài ra, dòng vốn đầu tư trên thị trường chứng khoán cũng có sự dịch chuyển trở lại hoạt động sản xuất, kinh doanh khi dịch bệnh được Kiểm soát. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán đã tăng trưởng mạnh trong năm 2021 đến Quý I/2022. Do vậy, khi xuất hiện các yếu tố tác động không thuận, Nhà đầu tư sẽ có tâm lý chốt lời nhằm bảo vệ thành quả, tạo nên áp lực bán trên thị trường.

3. TRIỂN VỌNG KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2023

TRIỂN VỌNG KINH TẾ

Theo ý kiến của GS, TS Trần Thọ Đạt - Chủ Tịch Hội đồng khoa học và Đào tạo, trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, cố vấn chiến lược của PSI, bức tranh kinh tế vĩ mô 2023 sẽ bắt những mảng màu tươi sáng và điều này đã bắt đầu bộc lộ ngay từ quý 4.2022. GDP năm 2023 sẽ không thể giữ được tốc độ tăng trưởng cao khi mức nền so sánh của năm 2022 đã cao hơn nhiều. Nhìn vào từng cấu phần của GDP có thể thấy các động lực tăng trưởng đều đang suy yếu.

- Về đầu tư, đầu tư nước ngoài có thể vẫn duy trì như năm 2022 khi vốn đầu tư nước ngoài thực hiện đang ở mức kỷ lục. Tuy nhiên, rủi ro đầu tư nước ngoài giảm là vẫn có thể xảy ra khi số vốn đăng ký mới năm 2022 đã giảm khoảng 5% so với năm trước. Đầu tư bằng nguồn vốn trong nước, đặc biệt là đầu tư công nhiều khả năng sẽ bị đình trệ do lãi suất tăng cao. Áp lực lãi suất kết hợp với tỷ giá tăng cao khiến cho các kế hoạch đầu tư không thể thực hiện với mức dự toán cũ vì chắc chắn sẽ gây thua lỗ. Việc phải lập lại dự toán, thay đổi chi phí tất cả các khâu khiến cho việc giải ngân đầu tư công nhiều khả năng tiếp tục chậm trễ trong năm 2023.
- Sản xuất và xuất khẩu bị tác động bởi suy thoái kinh tế thế giới. Lạm phát và suy thoái kinh tế khiến cho nhu cầu của các đối tác xuất khẩu lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản giảm mạnh từ đó làm giảm số lượng đơn đặt hàng mới.
- Tiêu dùng trong nước cũng sẽ tăng trưởng chậm lại khi mức nền so sánh còn ở mức thấp. Thêm vào đó, tăng trưởng kinh tế chậm hơn cũng đồng nghĩa với thu nhập người dân khó tăng và ảnh hưởng trực tiếp tới mức độ chi tiêu của người tiêu dùng. Lạm phát có thể tăng lên mức 4.5% sau bị kìm nén trong năm 2022 và các công cụ của Ngân hàng Nhà nước gần như đã không còn dư địa để tiếp tục sử dụng. Ngoài ra, tỷ giá và lãi suất trong năm 2023 biến động còn phụ thuộc vào các yếu tố bên ngoài như tốc độ tăng lãi suất của FED, chiến tranh Nga-Ukraine có thể gây thêm nhiều yếu tố bất ngờ, làm gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều hàng hóa quan trọng. Tuy nhiên, việc Trung Quốc mở cửa trở lại sẽ góp phần giảm bớt áp lực thiếu hụt nguồn cung nguyên vật liệu và tiếp tục kích thích sự hồi phục mạnh mẽ của ngành du lịch Việt Nam. Trong bối cảnh tỷ giá ổn định trở lại và FED giảm tốc độ nâng lãi suất, lãi suất trên thị trường Việt Nam sẽ không tiếp tục tăng mạnh nhưng vẫn duy trì ở mức cao và là gánh nặng cho nền kinh tế. Các tổ chức quốc tế cũng có quan điểm đồng thuận về việc kinh tế Việt Nam chứng kiến tăng trưởng chậm hơn trong năm 2023 khi so sánh với mức 8.02% của năm 2022



DỰ BÁO THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2023

Sức bền của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022 sẽ bị thử thách trong năm 2023 khi các nền kinh tế lớn trên thế giới ngấm đòn từ lạm phát và suy thoái.

Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2023 được chúng tôi dự báo là sẽ chậm lại sau khi đạt đỉnh vào năm 2022 bởi sự suy giảm trong nhu cầu tiêu dùng của Mỹ, châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc sẽ khiến cho hoạt động xuất khẩu trong năm 2023 bị ảnh hưởng. Dự kiến nửa đầu năm 2023 lợi nhuận ròng của các Công ty niêm yết toàn thị trường sẽ tăng nhẹ ở mức 2.7% - 5%, sau đó cải thiện trong nửa cuối năm 2023.

Mức tăng trưởng cả năm được dự báo sẽ tăng trưởng trong mức 12.55% theo Bloomberg. Đây cũng là mức cao so với các thị trường khác trong khu vực.

Chúng tôi cho rằng nửa đầu năm 2023 TTCK Việt Nam sẽ tiếp tục những diễn biến giằng co phân hóa khi thanh khoản trên toàn thị trường cạn kiệt, KQKD Quý 4/2022 sẽ tiếp tục sụt giảm so với các quý trước đó dưới áp lực lãi suất, tỷ giá.

Tuy nhiên TTCK Việt Nam sẽ khởi sắc trong nửa cuối năm 2023 nhờ các yếu tố:

- Lạm phát tại Mỹ đạt đỉnh và có dấu hiệu hạ nhiệt, nhiều khả năng FED sẽ giảm tốc độ tăng lãi suất và lãi suất mục tiêu tới cuối năm 2023 sẽ đạt khoảng 5%-5.25%, tương đương với mức tăng 125 điểm cơ bản so với hiện tại
- Tốc độ tăng của lãi suất có thể chậm dần kể từ quý 2/2023 và ổn định hơn về cuối năm.
- Đà tăng trưởng lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp tích cực sẽ là tín hiệu tốt cho sự phục hồi của thị trường chứng khoán.

Chỉ số VNIndex được dự báo sẽ điều chỉnh sâu giảm về vùng điểm 950 - 1,000 điểm và giao động trong biên độ hẹp ở đây nhằm tích lũy lại trước khi sẽ có sự phục hồi về quanh vùng 1,200 - 1,300 điểm vào cuối năm 2023. Thanh khoản sẽ bùng nổ trong các phiên điều chỉnh sâu và sau đó suy yếu, giá trị giao dịch trung bình phiên của HSX trong năm 2023 sẽ sụt giảm về xung quanh mức 5,000 - 7,000 tỷ đồng/ phiên.



4. MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG NĂM 2023

Chỉ tiêu kinh doanh

Doanh thu

320 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế và trích lập

35 tỷ đồng

Nguồn vốn

Tăng vốn điều lệ tối thiểu

800 tỷ đồng

Xây dựng được hệ thống huy động vận hành thông qua hệ thống ngân hàng.

Hoạt động đầu tư

Tái cấu trúc 02 khoản đầu tư OTC đảm bảo quản lý minh bạch, rõ ràng
Đẩy mạnh dịch vụ đầu tư

Công tác quản trị

Xây dựng mô hình quản trị phân cấp End to End.
Thiết lập hệ thống quản trị dữ liệu (database) tập trung hóa nguồn dữ liệu.
Thiết lập bộ chỉ tiêu quản trị hoạt động, quản trị rủi ro, quản trị hiệu quả theo từng sản phẩm/lĩnh vực.



Định hướng và sản phẩm chiến lược

Định hướng chiến lược:

03 trụ cột: PVN, PVcomBank, SMBC Nikko

02 nền tảng: Con người, Công nghệ

01 mục tiêu: trở thành công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực năng lượng

Sản phẩm chiến lược: sản phẩm tài chính (công cụ nợ) trong lĩnh vực năng lượng

Tập trung phát triển các sản phẩm tài chính số ứng dụng công nghệ.

Thị phần, sản phẩm và mạng lưới

Thị phần giao dịch tối thiểu: 1%

Tỷ lệ phát triển khách hàng mới tối thiểu: 15%

Tỷ lệ tài khoản active tối thiểu: 10%/tháng

Mở mới ít nhất 01 điểm giao dịch tại khu vực phía Nam

Hoàn chỉnh chuỗi sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng nước ngoài (đặc biệt tập trung vào nhóm khách hàng Nhật)

Tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ từ mảng hoạt động kinh doanh quan hệ quốc tế

Công tác cán bộ, đào tạo và quản trị điều hành

Kiện toàn, nâng cao năng lực điều hành của Cấp Điều hành công ty và Lãnh đạo chủ chốt.

Hoàn thiện chính sách tiền lương cạnh tranh đảm bảo phát triển chất lượng và số lượng nguồn nhân lực.

Xây dựng chiến lược đào tạo, nâng cao năng suất lao động, khả năng sáng tạo và quản trị rủi ro trong công việc.

Xây dựng chính sách nhân sự core team cho các nhân sự cốt lõi nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự gắn bó để đồng hành và phát triển PSI.

Công nghệ

Tiếp tục triển khai, khai thác tính ứng dụng của sản phẩm EKYC (trên hệ thống của PSI và PVCB) và xây dựng các sản phẩm, tiện ích công nghệ mới cung cấp cho khách hàng

Xây dựng hạ tầng công nghệ đảm bảo hoạt động ổn định và đáp ứng nhu cầu phát triển mới.

04

PHẦN IV. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	62
CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA BAN LÃNH ĐẠO	72
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	74
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	82
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR CỦA CÔNG TY	85
THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG IR	90



1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị năm 2022

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU /KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	CT.HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	05/05	100%	
2	Bà Hồ Việt Hà	UV. HĐQT	Bắt đầu: 15/01/2020	04/05	80%	Lý do cá nhân
3	Ông Trịnh Thế Phương	UV.HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2017	04/05	80%	Lý do cá nhân
4	Ông Trần Tuấn Anh	UV.HĐQT	Bắt đầu: 28/04/2022	04/05	80%	Mới bổ nhiệm từ tháng 04 năm 2022
5	Ông Nguyễn Xuân Hưng	UV.HĐQT	Bắt đầu: 26/04/2019	04/05	80%	Lý do cá nhân



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá thuận lợi, khó khăn:

1.1 Thuận lợi:

- Mặc dù môi trường kinh tế toàn cầu trở nên thách thức hơn, nhưng nền kinh tế Việt Nam vẫn ổn định. Thị trường chứng khoán Việt Nam được Đảng và Chính phủ quan tâm tạo điều kiện để phát triển cả về chất và lượng, giữ vai trò quan trọng trong chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, trở thành kênh huy động vốn chính tạo động lực cho phát triển kinh tế.
- Thị trường Chứng khoán và các Công ty Chứng khoán đang trong quá trình sàng lọc, cơ cấu hoạt động theo hướng lành mạnh, minh bạch để nâng cao năng lực cạnh tranh; hội nhập quốc tế.
- PSI nhận được sự quan tâm, tin tưởng và tạo mọi điều kiện thuận lợi của Tập đoàn Dầu khí, Ngân hàng và các đơn vị trong ngành.
- Kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng là đội ngũ cán bộ trẻ trung, giàu nhiệt huyết luôn nỗ lực cống hiến, vì sự phát triển của PSI.

1.2. Khó khăn, thách thức:

- Công ty vẫn tiếp tục bám sát và xử lý các tồn đọng còn lại các khoản đầu tư trong danh mục OTC và nợ khó thu hồi phát sinh trước năm 2016.
- Mức độ cạnh tranh về phí và lãi suất giữa các Công ty Chứng khoán có vốn nước ngoài và các Công ty Chứng khoán hàng đầu thị trường nội địa vẫn ngày một gắt gao hơn.
- Hoạt động lõi của PSI hiện tại là dịch vụ chứng khoán với nguồn thu chủ yếu từ phí giao dịch và lãi vay. Tuy nhiên đây lại là nguồn thu biến động phụ thuộc vào thị trường nên khó Kiểm soát hiệu quả nếu thị trường có xu hướng biến động không tích cực.
- Khó khăn về các hạn mức hoạt động như: hạn mức margin cho từng mã, cho khách hàng hạn mức đầu tư...dẫn đến khó phát triển quy mô.
- Vốn điều lệ của PSI là 598 tỷ đồng xếp thứ 35 trong tổng số 89 các Công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam. Chính vì thế chưa đủ số vốn pháp định để kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ đang thu hút Nhà đầu tư như phái sinh, chứng quyền, sản phẩm ETF.

**Kết quả
hoạt động 2022:**



Hoạt động kinh doanh:

1	 Doanh thu năm 2022 đạt 483.87 tỷ đồng hoàn thành 127% kế hoạch 2022.	483.87 tỷ đồng
2	 Lợi nhuận năm 2022: Lợi nhuận sau thuế đạt 26.58 tỷ đồng hoàn thành 118% kế hoạch năm 2022	26.58 tỷ đồng
3	 Quy mô tổng tài sản năm 2022 đạt 2.015 tỷ đồng	2.015 tỷ đồng
4	 Huy động bình quân năm 2022 đạt 996.7 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm 2022. Kết quả này góp phần tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính, đặc biệt giúp đảm bảo thanh khoản của Công ty trong bối cảnh thị trường tài chính cuối năm có nhiều biến động tiêu cực. Trong đó, Quý II/2022, Công ty đã phát hành thành công 100% trái phiếu đợt 1, 2 năm 2022 với tổng giá trị 300 tỷ đồng.	996.7 tỷ đồng Huy động bình quân năm 2022
5	 Tỷ lệ an toàn tài chính đảm bảo tối thiểu 200% (cao hơn tỷ lệ quy định tối thiểu 180% của UBCKNN).	200% An toàn tài chính

Hoạt động Quản trị:

Nhận định thách thức cùng thời cơ thị trường, Hội đồng Quản trị đã có những chỉ đạo quyết liệt; trực tiếp tham gia hỗ trợ các phương án kinh doanh; thống nhất ban hành 68 Nghị quyết/Quyết định với các định hướng, chính sách quan trọng để nâng cao năng lực Quản trị, năng lực kinh doanh của Công ty

Triển khai Dự án đầu tư mới phần mềm và hạ tầng công nghệ thông tin theo hướng hiện đại.

Chỉ đạo sắp xếp, tuyển dụng nhân sự theo hướng tăng tỷ trọng nhân sự kinh doanh; Thông qua Ban hành thống nhất sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ các đơn vị và hoàn thiện Hệ thống chức danh, quy định trả lương, thưởng tại PSI;

Xây dựng Quy chế lương, thu nhập theo hướng tiệm cận với thị trường để thu hút nhân sự có chất lượng.

Chỉ đạo đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới tại các trung tâm hành chính Dầu khí và các điểm giao dịch ưu tiên của PvcomBank.

Chỉ đạo bám sát thực hiện tối đa các công việc của PVN và các đơn vị thành viên.

Khai thác tập khách hàng Nhật Bản của Cổ đông chiến lược SMBC Nikko; Xây dựng sản phẩm và phân tích báo cáo ngành cho Tổng Công ty kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC.

Định hướng xây dựng Chuỗi sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng từ Tư vấn - Dịch vụ chứng khoán - Đầu tư - IR/PR truyền thông tạo giá trị gia tăng cho PSI.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Nhằm đảm bảo tổ chức tốt công tác điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo các quyết định, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Điều hành và các bộ phận khác thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng nhằm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được minh bạch, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua:



01

Chủ tịch HĐQT trực tiếp tổ chức các cuộc họp với các Khối và kết luận chỉ đạo.

02

Hội đồng Quản trị xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Điều hành và báo cáo quý gửi Hội đồng Quản trị.

03

Xem xét các báo cáo, đề xuất từ các tiểu ban giúp việc để giám sát tính tuân thủ và định hướng các hoạt động của Ban Điều hành.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chỉ đạo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2023 được Đại hội Cổ đông giao;

1

Chỉ tiêu kinh doanh:

Doanh thu: 320 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập: 35 tỷ đồng.

5

Nguồn vốn

Tăng vốn điều lệ tối thiểu 800 tỷ đồng.
Xây dựng được hệ thống huy động vận hành thông qua hệ thống ngân hàng.

2

Hoạt động đầu tư

Tái cấu trúc 02 khoản đầu tư OTC đảm bảo quản lý minh bạch, rõ ràng
Đẩy mạnh dịch vụ đầu tư

6

Công tác quản trị

Xây dựng mô hình quản trị phân cấp End to End.
Thiết lập hệ thống quản trị dữ liệu (database) tập trung hóa nguồn dữ liệu.
Thiết lập bộ chỉ tiêu quản trị hoạt động, quản trị rủi ro, quản trị hiệu quả theo từng sản phẩm/linh vực.

3

Định hướng và sản phẩm chiến lược

Định hướng chiến lược:
03 trụ cột: PVN, PVcomBank, SMBC Nikko
02 nền tảng: Con người, Công nghệ
01 mục tiêu: trở thành công ty chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng Đầu tư trong lĩnh vực năng lượng
Sản phẩm chiến lược: sản phẩm tài chính (công cụ nợ) trong lĩnh vực năng lượng
Tập trung phát triển các sản phẩm tài chính số ứng dụng công nghệ.

7

Công tác cán bộ, đào tạo và quản trị điều hành

Kiện toàn, nâng cao năng lực điều hành của Cấp Điều hành công ty và Lãnh đạo chủ chốt.
Hoàn thiện chính sách tiền lương cạnh tranh đảm bảo phát triển chất lượng và số lượng nguồn nhân lực.
Xây dựng chiến lược đào tạo, nâng cao năng suất lao động, khả năng sáng tạo và quản trị rủi ro trong công việc.
Xây dựng chính sách nhân sự core team cho các nhân sự cốt lõi nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự gắn bó để đồng hành và phát triển PSI.

4

Thị phần và phát triển mạng lưới

Thị phần giao dịch tối thiểu: 1%
Tỷ lệ phát triển khách hàng mới tối thiểu: 15%
Tỷ lệ tài khoản active tối thiểu: 10%/tháng
Mở mới 01 điểm giao dịch tại khu vực phía Nam.
Hoàn chỉnh chuỗi sản phẩm, dịch vụ cho Khách hàng nước ngoài (đặc biệt tập trung vào nhóm khách hàng Nhật)
Tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ từ mảng hoạt động kinh doanh quan hệ quốc tế

8

Công nghệ

Tiếp tục triển khai, khai thác tính ứng dụng của sản phẩm EKYC (trên hệ thống của PSI và PVCB) và xây dựng các sản phẩm, tiện ích công nghệ mới cung cấp cho khách hàng.
Xây dựng hạ tầng công nghệ đảm bảo hoạt động ổn định và đáp ứng nhu cầu phát triển mới.

QUẢN TRỊ CÔNG TY HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị:

Đến ngày 31/12/2022, Hội đồng Quản trị PSI bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Nhiệm kỳ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	2022 - 2027
2	Bà Hồ Việt Hà	UV. HĐQT	2022 - 2027
3	Ông Trịnh Thế Phương	UV. HĐQT	2022 - 2027
4	Ông Nguyễn Xuân Hưng	UV. HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	2022 - 2027
5	Ông Trần Tuấn Anh	UV. HĐQT độc lập	2022 - 2027



2. Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị:

ÔNG NGUYỄN ANH TUẤN – CHỦ TỊCH HĐQT

- Thực nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ Công; Quy chế làm việc của HĐQT & nguyên tắc phối hợp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc; quy định pháp luật liên quan;
- Thay mặt HĐQT ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Thay mặt HĐQT xử lý các kiến nghị của Ban Kiểm soát;
- Chủ trì việc xây dựng mục tiêu hoạt động hàng năm và triển khai kế hoạch trung hạn, dài hạn, quy hoạch phát triển các nguồn lực của Công ty để thực hiện Chiến lược phát triển được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua;
- Chỉ đạo cơ cấu tổ chức, xây dựng quy chế Quản lý nội bộ; Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Chỉ đạo công tác phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội Đồng Cổ đông, triệu tập họp Đại hội Đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị lên Đại hội Đồng Cổ đông;
- Theo dõi, Chỉ đạo Ban Điều hành trong hoạt động kinh doanh hàng ngày để triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT giữa hai kỳ họp;
- Công tác cán bộ trong phạm vi ủy quyền của Hội đồng Quản trị;
- Chủ trì công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua khen thưởng, kỷ luật;
- Chủ trì xây dựng các cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ Quản lý khác;
- Để tăng cường sự chủ động trong công tác Quản lý, điều hành Công ty, HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định: Các chính sách/cơ chế lãi suất, tỷ lệ hoa hồng, phí đối với khách hàng áp dụng trong Công ty, và được phép ủy quyền lại.

BÀ HỒ VIỆT HÀ
- ỦY VIÊN HĐQT

- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành về công tác phát triển sản phẩm;
- Hỗ trợ thúc đẩy các sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcomBank;
- Công tác truyền thông, Quảng bá hình ảnh, thương hiệu;
- Hỗ trợ Ban Điều hành thúc đẩy hoạt động kinh doanh trên cơ sở định hướng, kế hoạch đã được HĐQT thông qua.

ÔNG TRỊNH THẾ PHƯƠNG
- ỦY VIÊN HĐQT

- Tham mưu cho HĐQT, Ban Điều hành các vấn đề liên quan đến Pháp lý, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty;
- Hỗ trợ thúc đẩy các sản phẩm bán chéo với Ngân hàng mẹ - PVcomBank;
- Cho ý kiến đối với việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định trong Quản trị nội bộ Công ty.

ÔNG NGUYỄN XUÂN HƯNG
- ỦY VIÊN HĐQT
- GIÁM ĐỐC

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn như vai trò Giám đốc, được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật;
- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động chung của Công ty: Hoạt động kinh doanh hàng ngày; Công tác tài chính kế toán; Công tác kế hoạch; Công tác cán bộ trong phạm vi được ủy quyền; Thường trực tại Hội sở chính, xử lý kịp thời các công việc đảm bảo hoạt động Công ty được liên tục, thông suốt;
- Xây dựng kế hoạch phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các dự án đầu tư, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty trình HĐQT;
- Phụ trách công tác cán bộ trong thẩm quyền của Ban Điều hành.

ÔNG TRẦN TUẤN ANH
- ỦY VIÊN HĐQT
ĐỘC LẬP

- Hỗ trợ PSI các mối quan hệ với các Đơn vị trong và ngoài ngành để thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tham mưu cho HĐQT trong việc đánh giá năng lực hoạt động của Ban Điều hành, đưa ra các mức thù lao đối với các thành viên Ban điều hành và thành viên HĐQT;
- Rà soát báo cáo tài chính và thực hiện ngăn ngừa, giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các Cổ đông hoặc cán bộ Quản lý Công ty;
- Hỗ trợ thúc đẩy các quan hệ hợp tác trong và ngoài nước.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN



Phòng Kiểm toán Nội bộ

Phòng kiểm toán nội bộ là đơn vị giúp việc Hội đồng quản trị. Trong năm 2022, Phòng Kiểm toán nội bộ đã triển khai thực hiện các công việc cụ thể sau:

- Phòng Kiểm toán Nội bộ - Phối hợp rà soát các văn bản Quy trình, Quy chế, Quy định...đảm bảo phù hợp với các quy định của Nhà nước pháp luật và các cơ quan quản lý;
- Tiến hành các hoạt động kiểm tra đối với hoạt động của các đơn vị trong công ty trong phạm vi chức năng của Kiểm toán Nội bộ;
- Có ý kiến về tính pháp lý và tính tuân thủ của các đề xuất, tờ trình của Ban Điều hành và các đơn vị ra trước HĐQT, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Chính sách dịch vụ khi có yêu cầu;
- Duy trì việc xem xét đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT;
- Thực hiện các công việc theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị thuộc chức năng nhiệm vụ của Phòng Kiểm toán nội bộ.



Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Đánh giá tính phù hợp của hệ thống lãi suất, cơ chế cấp vốn và hệ thống các chính sách khác áp dụng cho hoạt động dịch vụ tài chính của PSI và quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế;
- Ban hành danh mục chứng khoán cho vay tiền giao dịch ký quỹ trên cơ sở danh mục cho phép của Sở giao dịch chứng khoán và các tỷ lệ cho vay ký quỹ đảm bảo an toàn, hiệu quả và kiểm soát được rủi ro, bảo toàn vốn và thu được khoản lợi nhuận tương ứng với số tiền sử dụng cho dịch vụ này;
- Quyết định biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường có biến động lớn để đảm bảo hạn chế rủi ro cũng như tổn thất cho PSI.



Hội đồng đầu tư

- Thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của PSI tại Báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định việc chuyển về tự doanh các khoản đầu tư PSI thực hiện theo nghĩa vụ của hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc các hợp đồng khác của PSI;
- Đánh giá các khoản mục đã thực hiện đầu tư và đưa ra phương án giải quyết.



2. CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA BAN TGD, BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	14.140.499	23,63%	Đại diện cho phần vốn của PVcomBank
Hồ Việt Hà	UV.HĐQT	8.443.607	14,11%	Đại diện cho phần vốn của PVcomBank
Trịnh Thế Phương	UV.HĐQT	8.036.687	13,43%	Đại diện cho phần vốn của PVcomBank
Nguyễn Xuân Hưng	UV.HĐQT kiêm Giám đốc Công ty	3.931.200	6,57%	Đại diện cho phần vốn của CTCP Đầu tư Tài chính Thành Việt
Trần Tuấn Anh	UV.HĐQT độc lập			

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

DVT: VND

STT	Chức danh	Kế hoạch		Thực hiện	
		Số thành viên	Quỹ thù lao	Số thành viên	Quỹ thù lao
I	Người đại diện PVcombank				
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	870,000,000	1	870,000,000
2	TV HĐQT kiêm nhiệm	2	240,000,000	2	240,000,000
3	Trưởng BKS chuyên trách	1	433,200,000	1	433,200,000
4	TV BKS kiêm nhiệm	1	60,000,000	2	120,000,000
II	Thành viên khác				
1	TV HĐQT chuyên trách	1	480,000,000		
2	TV HĐQT kiêm nhiệm	1	120,000,000	2	240,000,000
3	TV BKS kiêm nhiệm	1	60,000,000		
	Dự phòng 20% để thưởng cho CB đảm nhận chức danh chuyên trách nếu công ty có lợi nhuận vượt LN kế hoạch		356.640.000		
	Tổng cộng		2,619,840,000		1,903,200,000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

CÁC GIAO DỊCH KHÁC

Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Đã thực hiện theo quy định Pháp luật và các quy định nội bộ của PSI. Trên cơ sở tuân thủ Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Công ty đã thực hiện các quy định về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

- Công ty đã xây dựng Quy chế quản trị
- Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động của Hội đồng Quản trị được triển khai theo đúng quy định:

- Tổ chức họp Hội đồng Quản trị theo định kỳ tối thiểu 01 lần/Quý
- Thực hiện xin ý kiến Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề trong phạm vi thẩm quyền bằng nhiều hình thức (lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tổ chức họp lấy ý kiến)
- Đảm bảo đủ tỷ lệ thành viên Hội đồng Quản trị tham gia dự họp và đảm bảo đủ các tỷ lệ thông qua các Quyết định và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- Thực hiện soạn thảo và ban hành các Biên bản và Nghị quyết Hội đồng Quản trị theo đúng thể thức và đúng thời hạn theo quy định Pháp luật và quy định nội bộ
- Thực hiện công bố thông tin đúng hạn và kịp thời đối với các nội dung cần công bố theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống phân quyền, ủy quyền:

- Trên cơ sở các quy định Pháp luật, Công ty đã hoàn thiện việc xây dựng hệ thống phân quyền, ủy quyền rõ ràng, phù hợp và minh bạch nhằm đảm bảo các thẩm quyền ký kết của Hội đồng Quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đảm bảo thẩm quyền hoạt động và ký kết của các Giám đốc/Phó Giám đốc Phụ trách các mảng dịch vụ chứng khoán, tư vấn và vận hành.
- Ngoài ra, để đảm bảo các hoạt động trong từng thời kỳ phát triển cụ thể của Công ty, các văn bản này cũng được chỉnh lý và bổ sung cần thiết, phân công lại các hoạt động trong Ban Giám đốc và thay đổi các ủy quyền cần thiết.

Ban hành các Nghị quyết quyết định các vấn đề quan trọng của Công ty:

- Quyết định việc cử các đại diện vốn góp của Công ty tham gia vào quản trị và kiểm soát tại các công ty thành viên và các công ty có vốn góp
- Đưa ra các yêu cầu và các quyết định liên quan đến đầu tư tài chính, thoái vốn các khoản đầu tư OTC và các quyết định trích lập dự phòng nhằm cân đối tài chính của Công ty
- Quyết định các chính sách liên quan đến việc miễn lãi cho khách hàng, giải quyết các khoản đầu tư tồn đọng của các khách hàng từ các giai đoạn trước, lành mạnh hóa tình hình tài chính của Công ty và các nội dung khác.

3. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu
483.87
TỶ ĐỒNG

Trong năm 2022, Công ty đã luôn theo sát diễn biến thị trường và nỗ lực củng cố hoạt động và phát triển hoạt động kinh doanh, PSI đạt 483,87 tỷ đồng doanh thu – con số cao nhất trong lịch sử hoạt động và hoàn thành 127% kế hoạch năm 2022.

Doanh thu Dịch vụ Chứng khoán
236
TỶ ĐỒNG
Doanh thu dịch vụ tài chính
147.27
TỶ ĐỒNG

Doanh thu Dịch vụ Chứng khoán đạt 236 tỷ đồng hoàn thành 103% kế hoạch năm 2022. Doanh thu phí môi giới đạt 69.31 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch năm 2022. Doanh thu dịch vụ tài chính đạt 147.27 tỷ đồng hoàn thành 105% kế hoạch 2022. Doanh thu khác đạt 11.87 tỷ đồng hoàn thành 170% kế hoạch 2022.

Doanh thu từ hoạt động tư vấn
33.98
TỶ ĐỒNG

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đạt 33.98 tỷ đồng đạt 113% kế hoạch năm 2022. Hoạt động tư vấn tiếp tục bám sát và khai thác các dịch vụ truyền thống từ các doanh nghiệp trong ngành Dầu khí và các đơn vị thành viên PVN. Phát triển các khách hàng mới với dịch vụ gia tăng: tư vấn phân phối, tư vấn đại chúng, tư vấn tăng vốn với các khách hàng là Novaland, Sông Đà, ASG, Fecon. Ngoài ra Khối Tư vấn phối hợp bán chéo sản phẩm dịch vụ với Khối dịch vụ chứng khoán theo các hợp đồng lưu ký và chuyển nhượng, quản lý tài sản đảm bảo cho các trái phiếu: Đại Hùng, Tech Dragon, Nova Hospitality, Goca, dịch vụ đăng ký chào mua công khai với ASG.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán
180.15
TỶ ĐỒNG

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn đạt 180.15 tỷ đồng tương đương 180% kế hoạch năm 2022.

Doanh thu khác
29.74
TỶ ĐỒNG

Doanh thu khác năm 2022 đạt 29.74 tỷ đồng, hoàn thành 188% Kế hoạch năm 2022.

Lợi nhuận sau thuế
26.58
TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận năm 2022: Lợi nhuận sau thuế đạt 26.58 tỷ đồng hoàn thành 118% kế hoạch năm 2022

Các nhiệm vụ trọng tâm đã thực hiện

Bên các chỉ tiêu kinh doanh, PSI còn thực hiện được một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:



Về Thị phần giao dịch và hoạt động dịch vụ:

- Thị phần giao dịch đạt 0.5% so với mục tiêu 1%.
- Tỷ lệ tài khoản active 12%, mục tiêu đề ra 10%.
- Tỷ lệ phát triển khách hàng mới đạt 12%, mục tiêu đề ra 15%.



Về mạng lưới:

- Hoàn thiện mở rộng văn phòng tầng 7 cho Văn phòng Hội Sở.



Đối với mảng Công nghệ, Sản phẩm dịch vụ:

- Mở tài khoản eKYC hoàn thành ngày 21/03/2022.
- Hoàn thành nâng cấp phần mềm kế toán Bravo & triển khai kết nối chuyển đổi hóa đơn điện tử với cổng điện tử Thuế theo thông tư 78.
- Hoàn thành việc triển khai dịch vụ thu phí SMS bắt đầu từ ngày 01/10/2022.
- Hoàn thành triển khai Pmoney tự động (qua đêm) từ ngày 01/11/2022.
- Triển khai thu chi hệ online với Ngân hàng Pvccombank hoàn thiện trong tháng 12/2022.



Về xử lý tồn đọng tài chính và danh mục đầu tư:

- Công tác thu hồi nợ:
 - Tổng Công nợ thu hồi trong năm là: 10.3 tỷ đồng
 - Xử lý được các khoản nợ khó đòi của PVGas và PVC
 - Thu hồi 100% công nợ khó đòi từ nhóm Khách hàng Lê Phong Hiếu.
- Về danh mục đầu tư:
 - Hoàn thành thoái vốn 100% cổ phần tại 5 doanh nghiệp trong danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (danh mục OTC): CTCP Điều Phú Yên, CTCP Khoáng Sản Mai Linh; CTCP Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí; CTCP Thi công cơ giới và lắp máy Dầu Khí; CTCP Khí công nghiệp Việt Nam (Thanhgas).



Về chính sách nhân sự

- Hoàn thiện và bổ sung nhân sự các cấp, đặc biệt nhân sự cấp quản lý tại các vị trí: Giám Đốc Công Ty, Phó Giám đốc phụ trách Khối Dịch vụ chứng khoán, Phó Giám đốc phụ trách khối Vận hành.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo cho cán bộ công nhân viên công ty theo đúng chỉ tiêu 16h/năm.
- Hợp tác với các Trường Đại Học để tuyển dụng sinh viên ưu tú, thực tập sinh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



Quy mô tổng tài sản năm 2022

2.015
TỶ ĐỒNG

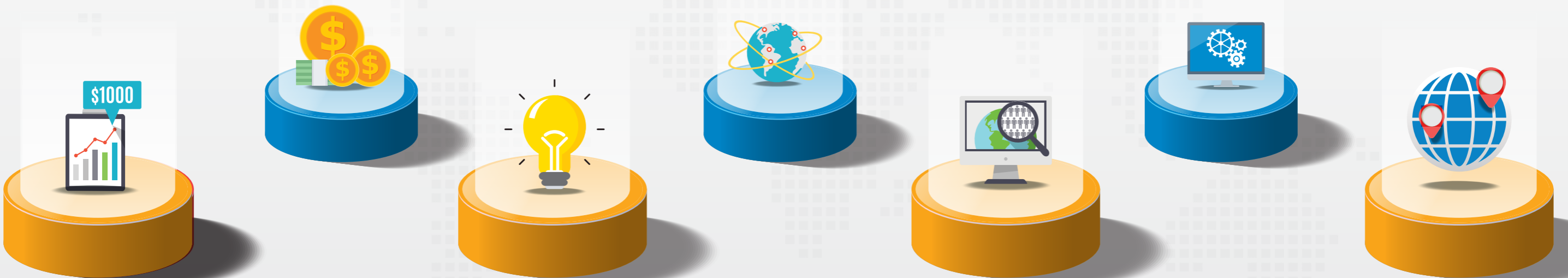
Huy động bình quân năm 2022

996.7
TỶ ĐỒNG

Tỷ lệ an toàn tài chính

200%

- Quy mô tổng tài sản năm 2022 đạt 2.015 tỷ đồng
- Huy động bình quân năm 2022 đạt 996.7 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm 2022. Kết quả này góp phần tăng quy mô vốn hoạt động, mở rộng và phát triển đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính, đặc biệt giúp đảm bảo thanh khoản của Công ty trong bối cảnh thị trường tài chính cuối năm có nhiều biến động tiêu cực. Trong đó, Quý II/2022, Công ty đã phát hành thành công 100% trái phiếu đợt 1, 2 năm 2022 với tổng giá trị 300 tỷ đồng.
- Tỷ lệ an toàn tài chính đảm bảo tối thiểu 200% (cao hơn tỷ lệ quy định tối thiểu 180% của UBCKNN).



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về cơ cấu tổ chức:

Năm 2022, Cơ cấu tổ chức của Công ty theo mô hình hoạt động 03 khối và 01 Trung tâm với phân công công việc chuyên biệt và nhiệm vụ rõ ràng:

Khối Dịch vụ Chứng khoán	Bao gồm các hoạt động Môi giới lưu ký, các dịch vụ tài chính, quản lý Cổ đông, tư vấn đầu tư
Khối Tư vấn	Bao gồm các hoạt động tư vấn như Tư vấn Tái cấu trúc, Tư vấn Cổ phần hóa, Tư vấn M&A...
Khối Vận hành	Bao gồm các hoạt động Tổ chức nhân sự, hành chính, tài chính kế toán, tin học và đầu tư
Trung tâm Phân tích	Bao gồm các hoạt động Phân tích Doanh nghiệp, Chỉ số và Phát triển Sản phẩm, PR – Truyền thông

Công ty đã thực hiện tái cấu trúc về hoạt động cũng như nhân sự:

Bộ máy cơ cấu tổ chức Công ty gọn nhẹ, thu hẹp cắt bỏ những đơn vị hoạt động kém hiệu quả. Công ty đã thực hiện mạnh tái cấu trúc nhân sự theo đó cắt giảm những nhân sự không phù hợp, điều chuyển sắp xếp nhân sự trong nội bộ các đơn vị phù hợp. Cũng theo đó, Công ty đã xây dựng bộ tiêu chuẩn chức danh, mô tả công việc của từng vị trí, cơ chế trả lương trả thưởng hệ thống đánh giá tương thích với mô hình cơ cấu tổ chức cũng như đặc thù hoạt động của các đơn vị.

Về chính sách, quản lý:

Về mặt chính sách quản lý, Công ty đã thực hiện đầu tư mới phần mềm giao dịch chứng khoán tại PSI; thông qua định hướng xây dựng chiến lược phát triển PSI trở thành Ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Dầu khí, Năng lượng và tầm nhìn đến năm 2030... Các chủ trương, chính sách, định hướng năm vừa qua thực sự đã tạo ra những thay đổi tích cực trong mọi mặt hoạt động của PSI, kịp thời tháo gỡ cơ chế, xây dựng được văn hóa doanh nghiệp, động lực kinh doanh và dần lấy lại hình ảnh, vị thế của PSI trên thị trường.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2023

1. Dự báo tình hình kinh tế vĩ mô năm 2023

Trên thế giới, tình trạng lạm phát cao trên diện rộng khó có thể Kiểm soát nhanh, buộc nhiều nước phải tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, căng thẳng chính trị cũng đang diễn biến phức tạp, điều này có thể dẫn tới nguy cơ suy thoái kinh tế. Do đó bức tranh kinh tế thế giới năm 2023 không mấy tươi sáng. Barclays đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 xuống còn 1,7%, thay vì con số 2,2% được đưa ra trước đó.

Trong nước, từ những ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế toàn cầu, các doanh nghiệp cũng đã phải nỗ lực hết mình, căng sức chống dịch và ổn định sản xuất, nhanh chóng chuyển hướng kinh doanh để thích ứng với tình hình mới. Nhờ đó, 11 tháng qua, nền kinh tế đã đạt được nhiều con số tăng trưởng ấn tượng. Về tăng trưởng, thương mại dịch vụ vẫn là điểm nhấn nổi bật nhất. IMF dự báo tăng trưởng VN năm 2022 là 7% - mức tăng trưởng kỷ tích và đứng đầu Asean. Tuy nhiên, trước bối cảnh chung của toàn cầu, nền kinh tế của Việt Nam năm 2023 được dự báo sẽ gặp nhiều lực cản và khó khăn.

Cuộc chiến ở Ukraine, suy thoái kinh tế ở Trung Quốc, lãi suất quốc tế tăng, USD mạnh lên và nguy cơ suy thoái kinh tế ngày càng tăng ở châu Âu có thể ảnh hưởng đến nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam và làm tăng rủi ro bất ổn kinh tế vĩ mô. Bên cạnh đó, Thị trường trong nước cũng gặp nhiều khó khăn do những rủi ro về thị trường trái phiếu, những biến động bất thường trong thị trường bất động sản hay sự sụt giảm mạnh mẽ trong thị trường chứng khoán cũng tác động không nhỏ đến kinh tế vĩ mô năm 2023 của Việt Nam.

Xu thế Lãi suất

Trong bối cảnh niềm tin vào thị trường trái phiếu sụt giảm nghiêm trọng, các doanh nghiệp cũng như NHTM vẫn sẽ cần có một lượng lớn về vốn để đảm bảo an toàn vốn cũng như đáp ứng nhu cầu vay vốn tăng cao trong nền kinh tế. Do đó lãi suất tiền gửi trong nửa đầu năm 2023 dự báo sẽ có áp lực tăng lên. Đến nửa cuối năm 2023 dự báo lãi suất sẽ có xu hướng giảm trong điều kiện lạm phát năm 2023 được kiểm chế trong mức kế hoạch đặt ra là dưới 4.5%, ngoài ra, chính phủ cũng đang nỗ lực đưa ra các chính sách để hỗ trợ, củng cố niềm tin trên thị trường trái phiếu.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp gia tăng rủi ro

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp gần như đã đóng băng sau Nghị định 65, siết chặt các quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Theo thống kê mới nhất, dự kiến trong năm 2023, sẽ có khoảng 309,000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn. Trong số này, nhóm các doanh nghiệp bất động sản phần lớn sẽ khó có khả năng trả nợ do không thể tiếp tục phát hành thêm trái phiếu để quay vòng vốn sau khi Nghị định 65/2022/NĐ-CP được ban hành thay thế Nghị định 153, nâng cao hàng loạt tiêu chuẩn về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Về dài hạn, Nghị định 65 sẽ giúp cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp trở nên minh bạch và giảm thiểu rủi ro đối với các Nhà đầu tư. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, nhiều doanh nghiệp có thể sẽ phải đối mặt với rủi ro vỡ nợ. Rủi ro của thị trường trái phiếu doanh nghiệp có thể lây lan cho cả hệ thống tài chính khi các Ngân hàng thương mại và Công ty chứng khoán là nhóm nắm giữ nhiều trái phiếu doanh nghiệp nhất.

2. Dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023:

Với những lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu, rủi ro FED tiếp tục duy trì các chính sách tăng lãi suất quyết liệt để kiềm chế lạm phát cùng những yếu tố bất định liên quan tới xung đột giữa Nga - Ukraine có thể sẽ tiếp tục là những thách thức cho thị trường chứng khoán giai đoạn cuối năm. Trước đó, dưới tác động của các quyết định nâng lãi suất điều hành của FED, thị trường chứng khoán thế giới đã có những diễn biến vô cùng tiêu cực khi dòng tiền liên tục được rút ròng ra khỏi thị trường. Chúng tôi cho rằng tâm lý Nhà đầu tư sẽ tiếp tục thận trọng hơn trong năm tới khi mà rủi ro suy thoái toàn cầu vẫn tiếp tục ở mức đáng lo ngại, năm 2023 sẽ là giai đoạn các chính sách siết chặt dòng tiền và tăng lãi suất của các NHTW sẽ có những tác động trực tiếp lên KQKD của các doanh nghiệp. Do đó trong năm tới chúng tôi cho rằng chỉ số VNIndex có thể vận động theo kịch bản sau:

Rủi ro suy thoái toàn cầu cũng những diễn biến không tích cực của nền kinh tế vĩ mô thế giới khiến cho FED tiếp tục phải duy trì mức tăng lãi suất cứng rắn. Thị trường chứng khoán toàn cầu sẽ điều chỉnh mạnh khi niềm tin của các nhà đầu tư vào tương lai suy yếu. Thị trường chứng khoán Việt Nam cũng sẽ gián tiếp bị ảnh hưởng bởi rủi ro tín dụng tại thị trường trái phiếu Việt Nam trong năm tới. Chỉ số VNIndex được dự báo sẽ điều chỉnh sâu giảm về vùng điểm 850 - 960 điểm và giao động trong biên độ hẹp ở đây nhằm tích lũy lại trước khi sẽ có sự phục hồi về quanh vùng 1,000 - 1,120 điểm vào cuối năm 2023.

Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 153/2020/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tác động không nhỏ đến thị trường giao dịch trái phiếu. Nghị định bổ sung quy định phát hành trái phiếu, hướng dẫn cụ thể các quy định chào bán trái phiếu doanh nghiệp trong nước. Ngân hàng do phải đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-NHNN ngày 30/6/2022 và tuân thủ Thông tư số 16/2021/TT-NHNN ngày 10/11/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về tín dụng trái phiếu doanh nghiệp. Chính vì thế hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu và phân phối trái phiếu năm 2023 sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Việc thay đổi chính sách và quy định pháp lý, tâm lý Khách hàng đã dẫn tới Tổ chức phát hành là các Doanh nghiệp (Công ty chứng khoán) gần như không thực hiện tư vấn/ phát hành trái phiếu đến thời điểm hiện nay.

3. Kế hoạch kinh doanh năm 2023:

Cơ sở xây dựng kế hoạch:

Với các dự báo kinh tế vĩ mô và rủi ro lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt theo Kịch bản - Thận trọng:

- Thị trường chứng khoán Việt Nam Chỉ số VNIndex quay trở lại trạng thái điều chỉnh trong vùng 850 – 960 điểm.

- Thanh khoản giảm giá trị giao dịch bình quân dự kiến bằng 74% giá trị giao dịch bình quân năm 2022.

- Thị trường trái phiếu doanh nghiệp đóng băng sau nghị định 65/2022/NĐ-CP, doanh nghiệp đối mặt rủi ro do không phát hành được Trái phiếu ảnh hưởng trực tiếp Ngân hàng và các Công ty Chứng khoán.

STT	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH 2022	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	TỶ TRỌNG SO THỰC HIỆN 2022
I	Tổng doanh thu	380.00	483.87	260.00	54%
1	Hoạt động Dịch vụ chứng khoán	230.00	236.00	170.00	72%
1.1	Môi giới chứng khoán	75.00	69.31	60.00	87%
1.2	Lưu ký chứng khoán	8.00	7.55	7.00	93%
1.3	Dịch vụ tài chính	140.00	147.27	100.00	68%
1.4	Doanh thu khác	7.00	11.87	3.00	25%
2	Hoạt động đầu tư, góp vốn	100.00	180.15	50.00	28%
3	Hoạt động tư vấn	30.00	33.98	17.00	50%
4	Hoạt động phân tích, chỉ số	4.00	4.00	3.00	75%
5	Doanh thu khác	16.00	29.74	20.00	67%
II	Tổng chi phí	357.00	457.53	240.00	52%
III	Lợi nhuận khác		0.24		0%
IV	Lợi nhuận trước thuế, trước trích lập	50.00	51.90	35.00	67%
V	Lợi nhuận sau thuế	22.50	26.58	20.00	75%



3.1. Hoạt động Dịch vụ Chứng khoán:

Doanh thu DVCK năm 2023 dự kiến là 170 tỷ đồng tương đương 72% tỷ trọng năm 2022 cụ thể:

- Tiếp tục tập trung vào 02 mảng hoạt động chính là Môi giới và Dịch vụ tài chính.
- Tìm mọi giải pháp, cách làm mới, đột phá để đạt kế hoạch đề ra với thị phần giao dịch (1%).
- Duy trì mức phí giao dịch bình quân 240 triệu đồng/ngày.

3.2. Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn năm 2023 dự kiến là 50 tỷ đồng, bằng 28% so với năm 2022:

- Nhiệm vụ trọng tâm là tập trung cơ cấu lại các khoản đầu tư tồn đọng. Tận dụng cơ hội thị trường để thoái vốn, giảm dần giá trị danh mục đầu tư cũ xuống mức thấp nhất có thể, thu hồi vốn bổ sung cho hoạt động kinh doanh.
- Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá: trái phiếu chính phủ... trong giai đoạn khó khăn về trái phiếu doanh nghiệp như hiện nay.
- Đẩy mạnh doanh thu hoạt động nguồn vốn.

3.3. Hoạt động Tư vấn:

Doanh thu hoạt động tư vấn năm 2023 dự kiến là 17 tỷ đồng, bằng 50% so với năm 2022:

- Bám sát tập khách hàng mục tiêu: PVN, PVcomBank và SMBC Nikko để tận dụng thế mạnh là mạng lưới, khách hàng: cung cấp các dịch vụ tư vấn như niêm yết, phát hành chứng khoán, tìm kiếm Cổ đông chiến lược và mua bán sáp nhập, tư vấn Quản trị doanh nghiệp.
- Đồng thời tích cực mở rộng hoạt động ra ngoài ngành.
- Phối hợp bán chéo cùng Ngân hàng mẹ - PVcomBank trong hoạt động thu xếp vốn, tận dụng tối đa khách hàng của Ngân hàng.
- Từng bước xây dựng mạng lưới các định chế tài chính, Nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước để tạo lập thị trường phân phối công cụ nợ theo đúng định hướng Ngân hàng đầu tư.

3.4. Trung tâm Phân tích:

- Cung cấp đa dạng các sản phẩm phân tích, dự báo, quan hệ Nhà đầu tư mang lại hiệu quả thiết thực cho Doanh nghiệp, Nhà đầu tư thông qua hợp tác với các tổ chức chuyên nghiệp và chuyên gia kinh tế như: Giáo sư Trần Thọ Đạt, TS Võ Chí Thành...
- Khẳng định vai trò vận hành, khai thác và phát triển bộ chỉ số ngành PVN Index.
- Phát triển các hoạt động IR do các đơn vị cùng ngành tổ chức.

3.5. Hoạt động khác:

- Đối với doanh thu hoạt động khác dự kiến kế hoạch Doanh thu 20 tỷ đồng, tỷ trọng 67% so với 2022: Để hoàn thành kế hoạch doanh thu mảng này năm 2022 là tiếp tục phát triển mảng khách hàng tổ chức/định chế để thu thêm các giá trị gia tăng từ mảng khách hàng này.

4. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát hiện nay gồm 03 Kiểm soát viên, cụ thể:
- Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng Ban Kiểm soát (chuyên trách);
 - Ông Bùi Thế Anh - Kiểm soát viên (không chuyên trách);
 - Bà Nguyễn Thị An - Kiểm soát viên (không chuyên trách).

2. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP TRONG NĂM

- Phiên họp thứ nhất (28/04/2022): Nội dung các quyết định:
- Thông báo kết quả Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 của PSI.
 - Ban Kiểm soát thảo luận và thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện kế hoạch Kiểm soát năm 2021.
- Phiên họp thứ hai (13/01/2023): Nội dung các quyết định:
- Tổng kết đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022.
 - Xem xét kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 của Công ty;
 - Thông qua kế hoạch công tác năm 2023 của Ban Kiểm soát.
 - Các công việc khác có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát.

3. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Ban Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
- Thực hiện kiểm tra hoạt động nghiệp vụ Môi giới, Dịch vụ tài chính đối với các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, kiểm tra hoạt động đầu tư tại Phòng Đầu tư Tài chính.
- Thực hiện kiểm tra công tác kiểm kê năm 2021 tại Hội sở và các chi nhánh.
- Cùng Phòng Kiểm toán nội bộ và Quản trị Rủi ro đã rà soát và đề nghị chỉnh sửa toàn bộ các quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến thay đổi mô hình hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với Phòng QTRR-KSNB và Phòng KTNB, thực hiện công tác kiểm tra, rà soát số chênh lệch tiền của Nhà đầu tư trên VGAI và Bravo.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

- Ông Nguyễn Văn Nhiệm - Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách**
- Trong năm 2022, với tư cách là Trưởng BKS chuyên trách, Ông Nguyễn Văn Nhiệm đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp của Ban điều hành qua đó nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh, tình hình quản lý và điều hành của HĐQT, BGĐ từ đó đóng góp ý kiến để thực hiện các mục tiêu mà ĐHĐCĐ phê duyệt, cũng như công tác Quản trị nội bộ của Công ty một cách hiệu quả thông suốt.

- Về hoạt động kiểm tra, Kiểm soát:
 - » Đầu năm 2022, tiến hành thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Ban Giám đốc để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
 - » Kiểm tra công tác hạch toán kế toán nội bộ tính đến 30 tháng 9 năm 2022 giữa Hội sở và các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng.
 - » Kiểm tra công tác kiểm kê tài sản và nguồn vốn năm 2021 tại Hội sở và các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, Đà Nẵng.
 - » Thực hiện các cuộc kiểm tra về các mặt hoạt động nghiệp vụ Môi giới, Dịch vụ tài chính đối với các Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, kiểm tra hoạt động đầu tư tại Phòng Đầu tư Tài chính.
 - » Kiểm tra công tác quản lý chi phí và hạch toán chi phí, công tác tạm ứng và thu hồi tạm ứng, hạch toán chi phí lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán, .
 - » Kiểm tra công tác đầu tư tài chính, danh mục chứng khoán niêm yết và OTC tính đến 31/12/2022 tại Phòng Đầu tư Tài chính.
- Về hoạt động Kiểm soát rủi ro, Kiểm toán nội bộ
 - » Cùng Bộ phận Quản trị rủi ro đã rà soát và đề nghị chỉnh sửa toàn bộ các quy chế, quy trình nghiệp vụ liên quan đến thay đổi mô hình hoạt động của Công ty.
 - » Đôn đốc các đơn vị, bộ phận khắc phục những kiến nghị theo ý kiến của khối Kiểm soát.

Bà Nguyễn Thị An - Kiểm soát viên - kiêm nhiệm

- Thực hiện công tác giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty
- Thực hiện việc Kiểm soát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán năm 2022 tại hội sở của Công ty.

Ông Bùi Thế Anh - Kiểm soát viên - kiêm nhiệm

- Thực hiện công tác giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong việc thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán, đầu tư tài chính năm 2022 tại Phòng Đầu tư Tài chính

5. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

- Thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Ban Kiểm soát lập kế hoạch hoạt động trong năm 2022 như sau :
- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm 2023 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp năm 2020.
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty trong năm 2023.
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của Cổ đông (nếu có).
- Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động của Công ty trong năm 2023.

5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HOẠT ĐỘNG QTRR CỦA CÔNG TY

BỘ MÁY QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Bà Hồ Việt Hà	Ủy viên
3	Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên
4	Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên
5	Ông Nguyễn Xuân Hưng	Ủy viên

2. Thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Bùi Thế Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị An	Thành viên Ban Kiểm soát

3. Thành viên Ban Giám đốc

STT	Thành viên Ban Giám đốc	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Xuân Hưng	Giám đốc
2	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc
3	Bà Phan Quỳnh Nga	Phó Giám đốc

VĂN BẢN, QUY TRÌNH, QUY CHẾ VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO

1. Cơ cấu tổ chức của bộ máy quản trị rủi ro

Bộ máy tổ chức và nhân sự Quản trị rủi ro ("QTRR") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí ("PSI") bao gồm: Hội đồng Quản trị, Hội đồng Đầu tư, Hội đồng Chính sách Dịch vụ Tài chính, Phòng Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc, Phòng Quản trị Rủi ro và Kiểm soát Nội bộ ("QTRR.KSNB"), và các bộ phận nghiệp vụ.

Hội đồng Quản trị

- Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về hoạt động quản trị rủi ro tại PSI. Hội đồng quản trị phân công 01 Ủy viên Hội đồng quản trị phụ trách Quản trị rủi ro có nhiệm vụ hỗ trợ Hội đồng quản trị thực hiện các chức năng nhiệm vụ liên quan đến hoạt động Quản trị rủi ro;
- Hàng năm tiến hành rà soát và phê duyệt các chính sách, hạn mức rủi ro trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Công ty;
- Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Giám đốc, Phòng QTRR.KSNB và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của các bộ phận liên quan đến hoạt động QTRR.

Hội đồng đầu tư

- Hội đồng đầu tư hoạt động theo Quy chế của PSI;
- Thẩm định, phê duyệt phương án đầu tư có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của PSI tại Báo cáo tài chính gần nhất;
- Quyết định việc chuyển về tự doanh các khoản đầu tư PSI thực hiện theo nghĩa vụ của hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc các hợp đồng khác của PSI;
- Đánh giá các khoản mục đã thực hiện đầu tư và đưa ra phương án giải quyết.

Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính

- Hội đồng chính sách dịch vụ tài chính hoạt động theo Quy chế Hoạt động Dịch vụ tài chính của PSI;
- Đánh giá tính phù hợp của hệ thống lãi suất, cơ chế cấp vốn và hệ thống các chính sách khác áp dụng cho hoạt động dịch vụ tài chính của PSI và quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế;
- Ban hành danh mục chứng khoán cho vay tiền giao dịch ký quỹ trên cơ sở danh mục cho phép của Sở giao dịch chứng khoán và các tỷ lệ cho vay ký quỹ đảm bảo an toàn, hiệu quả và kiểm soát được rủi ro, bảo toàn vốn và thu được khoản lợi nhuận tương ứng với số tiền sử dụng cho dịch vụ này;
- Quyết định biện pháp xử lý kịp thời khi thị trường có biến động lớn để đảm bảo hạn chế rủi ro cũng như tổn thất cho PSI.

Giám đốc

- Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt.
- Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình HĐQT phê duyệt; Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro;
- Định kỳ hàng quý báo cáo HĐQT việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro.



- Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong PSI phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt;
- Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của PSI;
- Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính;
- Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu.

Phòng Kiểm toán nội bộ

- Là một đơn vị độc lập trực thuộc HĐQT;
- Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống;
- Đánh giá quy trình quản trị rủi ro;
- Đưa ra đề xuất, khuyến nghị nhằm thiết lập và nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống các chính sách, quy chế, quy định, quy trình của PSI.

Phòng Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ

- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của PSI;
- Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh;
- Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Giám đốc; Đề xuất hạn mức rủi ro cho bộ phận nghiệp vụ;
- Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Giám đốc Công ty;
- Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của PSI.

Các bộ phận nghiệp vụ

- Các Giám đốc Chi nhánh/trưởng phòng nghiệp vụ trong Công ty phải tuân thủ và thực hiện quản trị rủi ro hàng ngày theo đúng quy trình quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro của PSI đã được phê duyệt.
- Phối hợp cùng Phòng QTRR.KSNB tính toán, xây dựng hạn mức rủi ro cho đơn vị mình đảm bảo sát thực với hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với điều kiện của đơn vị và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan

CÔNG TÁC KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA CÔNG TY VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO

01

Nội dung kiểm tra, giám sát

- Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro;
- Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả của Bộ phận quản trị rủi ro;
- Đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

03

Báo cáo kết quả kiểm tra

- Công ty đã tuân thủ các hạn mức rủi ro, chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đầu năm.
- Luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn tài chính trên 180%;
- PSI luôn không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động; xây dựng mối quan hệ thân thiết với cổ đông, khách hàng, cổ đông chiến lược SMBC Nikko, khách hàng ngành Dầu khí, và các đối tượng khách hàng khác đồng thời có các chính sách phù hợp với từng thời kỳ cũng như đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cổ đông, nhà đầu tư nhằm giảm thiểu rủi ro hoạt động, rủi ro thương hiệu.

02

Số lần kiểm tra trong năm

- Theo dõi cảnh báo xử lý giảm giá giao dịch ký quỹ, hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Định kỳ hàng tháng, Trưởng Bộ phận QTRR.KSNB báo cáo Giám đốc Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, theo dõi thực hiện trên thực tế các chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Định kỳ hàng quý, Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị Công ty việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro;
- Định kỳ 6 tháng/ năm công ty thực hiện các báo cáo Quản trị rủi ro theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán.
- Thực hiện kiểm tra các vụ việc cụ thể (nếu có).

ĐÁNH GIÁ TÍNH ĐỘC LẬP NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

01

Trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý công ty

- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- PSI tuân thủ các quy định về các đối tượng trong Công ty Chứng khoán không được mở tài khoản giao dịch ký quỹ bao gồm: Cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh khách do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và những người có liên quan đến các đối tượng trên. Việc mở tài khoản giao dịch của các đối tượng trên được thực hiện chặn trên hệ thống giao dịch của Công ty nên không phát sinh giao dịch. Định kỳ, bộ phận nghiệp vụ thực hiện rà soát các đối tượng được bổ nhiệm mới, bổ nhiệm bổ sung, tuyển mới trong Công ty đảm bảo không bị bỏ sót và phát sinh hoạt động cho vay với các đối tượng không đáp ứng theo quy định.

02

Giao dịch với người có liên quan

- Không có giao dịch.

03

Giao dịch với cổ đông người quản lý công ty và người có liên quan của các đối tượng này

- Không có giao dịch.

04

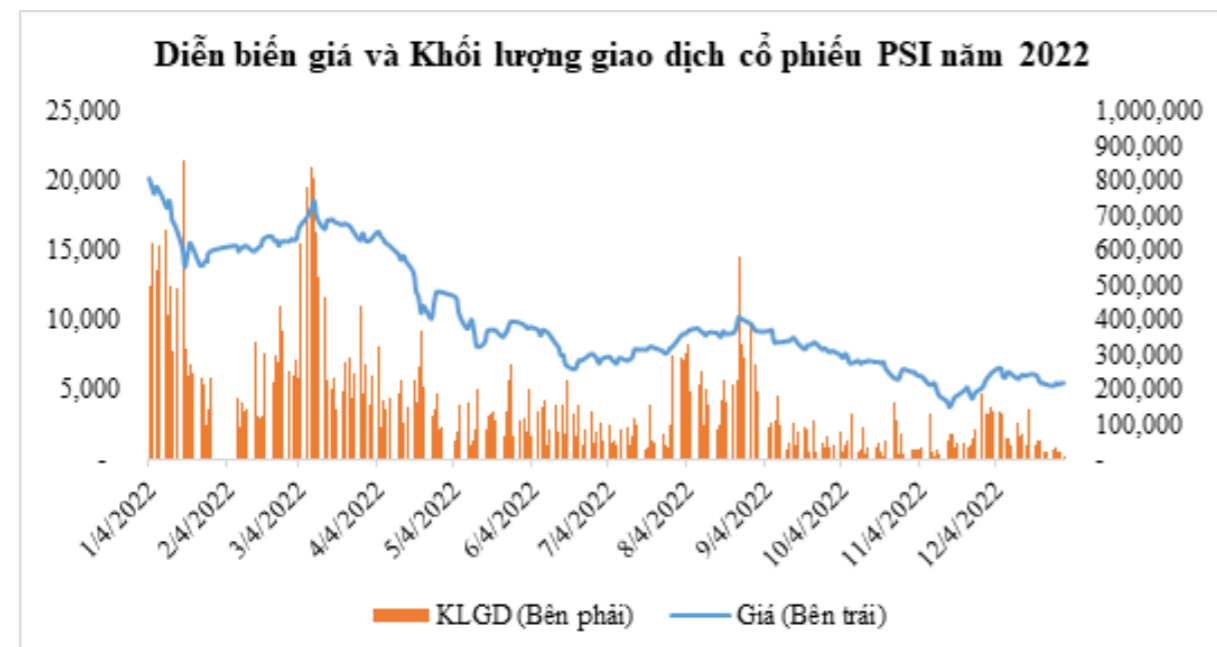
Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty

- Để đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty, các quy định Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí được thông qua ngày 28/04/2022, cụ thể như sau:
 - Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo Hội đồng Quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan;
 - Đối với hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

6. THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ HOẠT ĐỘNG IR

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2022

Năm 2022, Thị trường Chứng khoán Việt Nam và tất cả các thị trường chứng khoán lớn khác trên toàn cầu đều chứng kiến những biến động lớn trong năm 2022 trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị giữa Nga - Ukraine và FED tiến hành thắt chặt chính sách tiền tệ đã gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế vĩ mô, xã hội. Chỉ số VNIndex giảm mạnh hơn 43% từ mức đỉnh 1.536,45 điểm vào ngày 10/01/2022 và khép lại năm 2022 ở mức 1.007,09 điểm. Bộ chỉ số VN30Index đạt 1.005,19 điểm, giảm 34,5% so với đầu năm. Bên cạnh đó, HNX-Index cũng giảm 56,3% so với đầu năm, còn 205.31 điểm. Thanh khoản thị trường cũng sụt giảm đáng kể từ đầu năm, Từ mức giao dịch bình quân 31.160 tỷ đồng/phiên trong giai đoạn đầu năm, thanh khoản thị trường bắt đầu sụt giảm mạnh từ tháng 4 và xuống mức thấp nhất trong tháng 11 với giá trị giao dịch bình quân chỉ đạt 13.017 tỷ đồng/phiên, giảm 58,2% so với đầu năm. Trong bối cảnh thị trường chung có những diễn biến không tích cực, cổ phiếu PSI cũng đối diện với những áp lực bán mạnh. Tính đến hết ngày 31/12/2022, cổ phiếu PSI đạt giá trị 5.500 đồng/cổ phiếu, giảm mạnh từ mức 19.900 đồng/cổ phiếu.



Nguồn: PSI, số liệu ngày 31/12/2022

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2022

Để đảm bảo quyền lợi của Nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời, PSI đã rất chú trọng phân bổ nguồn lực cho hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư. Theo đó, Công ty luôn chủ động kết nối với Nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông qua một số kênh thông tin có sẵn như trang thông tin điện tử của Công ty, các buổi công bố Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các buổi diễn đàn đầu tư hay các hội nghị chuyên đề, Đại Hội đồng Cổ đông thường niên hàng năm và gửi email đến từng Nhà đầu tư.



DS



PHẦN V. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	94
MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI	95
NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG	96

1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI

Từ những ngày đầu thành lập, PSI luôn định hướng ưu tiên tập trung các hoạt động kinh doanh xoay quanh các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường – yếu tố cần thiết đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn.



2. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PSI

PSI xây dựng mô hình phát triển bền vững dựa trên các tác động từ hoạt động của PSI lên 3 yếu tố: Kinh tế, Xã hội và Môi trường.



3. NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

**KHÁCH HÀNG:
TRUNG TÂM
TRONG CHUỖI
GIÁ TRỊ TẠO RA
SẢN PHẨM,
DỊCH VỤ CỦA PSI**

Thấu hiểu khách hàng để đáp ứng kịp thời nhu cầu khách hàng hiện tại và đẩy mạnh phát triển khách hàng mới.

• Trong xu thế phát triển của thị trường chứng khoán, hiểu rõ đối tượng khách hàng, phân khúc khách hàng sử dụng sản phẩm là việc mà PSI đã và đang tiếp tục triển khai. Mọi quyết định về cải tiến sản phẩm dịch vụ hay xử lý các vấn đề khách hàng yêu cầu đều được dựa trên các thông tin phân tích, hiểu rõ hành vi của khách hàng nhằm đưa ra những giải pháp phù hợp nhất với từng đối tượng khách hàng trong từng thời điểm.

Phát triển Thương hiệu Công ty Chứng khoán hoạt động theo mô hình Ngân hàng Đầu tư

• Phát triển, cung cấp giải pháp tài chính toàn diện đến khách hàng
• Thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các Tổ chức Tài chính, Quỹ Đầu tư trong nước và nước ngoài.

Đa dạng hóa sản phẩm để phù hợp với từng phân khúc khách hàng và bối cảnh thị trường

• Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất tăng dần, PSI tin rằng triết lý tạo ra những sản phẩm, dịch vụ hàng đầu với mức lãi suất hấp dẫn sẽ đáp ứng được nhu cầu và giảm thiểu rủi ro cho khách hàng, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín của PSI
• Thêm vào đó, các công cụ và tiện ích giao dịch trực tuyến ngày càng được nâng cấp nhằm đáp ứng nhu cầu tiện và lợi của tất cả các phân khúc khách hàng
• Hiểu được những khó khăn của Nhà đầu tư cá nhân khi tham gia vào thị trường chứng khoán là tầm nhìn tổng thể về một ngành, doanh nghiệp trên thị trường. PSI đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, với mục tiêu làm cầu nối thông tin chất lượng nhất giữa các chuyên gia phân tích cao cấp của PSI với các Nhà đầu tư.

**NGƯỜI LAO ĐỘNG:
XÂY DỰNG VÀ
PHÁT TRIỂN
ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ**

Đảm bảo mức lương phù hợp và thu nhập ổn định với các quyền lợi nâng cao.

• PSI luôn chú trọng duy trì môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho nhân viên như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn bên cạnh mức đãi ngộ xứng đáng cho tập thể cán bộ nhân viên.
• Đào tạo và tuyển dụng nhân sự, nâng cao chất lượng phân tích và tư vấn, chăm sóc khách hàng.
• Trong điều kiện thị trường ngày càng cạnh tranh, PSI thường xuyên đăng ký cho nhân viên tham gia các khóa học của Ủy ban Chứng khoán để giúp nhân viên cập nhật kiến thức mới nhất về ngành, về thị trường và kỹ năng chuyên môn.
• Tạo ra lộ trình phát triển, thăng tiến phù hợp và môi trường làm việc thân thiện.
• Tại PSI, cấp quản lý rất chú trọng đến tính gắn kết và những thay đổi trong nội bộ nhân viên khi PSI ngày càng phát triển trên thị trường tài chính Việt Nam. Năm vừa qua, PSI đã thực hiện Khảo sát “Mức độ hài lòng” với 100% nhân viên tham gia.
• Trong năm vừa qua, PSI tuyển dụng mới ở mức thấp so với thị trường do đa số nhân lực tại PSI đều làm việc từ 3 -5 năm trở lên và mức độ cam kết với doanh nghiệp ở mức cao. Đây sẽ tiếp tục là lực lượng nòng cốt, gắn bó và có kinh nghiệm để đảm đương các nhiệm vụ trọng tâm của Công ty trong giai đoạn kế tiếp.



CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ: TỐI ƯU HÓA GIÁ TRỊ CỔ ĐÔNG

Duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả, bền vững

- PSI chú trọng phát triển sức mạnh nội tại của Công ty để gia tăng giá trị Công ty, đồng thời có chiến lược kinh doanh phù hợp, minh bạch thông tin để thị trường đánh giá đúng giá trị thực của cổ phiếu PSI.

Công bố thông tin minh bạch

- Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư của PSI được thực hiện bởi phòng Truyền thông. Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới Nhà đầu tư, PSI công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời, tuân thủ chặt chẽ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và cập nhật theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Các thông tin đều được công bố trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử PSI, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp.
- Thông qua các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Báo cáo Thường niên, Cổ đông của PSI được nhận đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của PSI và tất cả các hoạt động về phát triển chiến lược của Công ty, bao gồm cả các sáng kiến và hoạt động phát triển bền vững.

CỘNG ĐỒNG: TÍCH CỰC THỰC HIỆN VAI TRÒ TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG

Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động

- PSI xác định rõ hành động đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng thông qua việc hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp và ảnh hưởng đến cuộc sống.

Đồng hành cùng thế hệ trẻ.

- PSI luôn tạo cơ hội cho các em thực tập sinh được đào tạo thông qua làm việc, trải nghiệm thực tế môi trường chuyên nghiệp, sẵn sàng cho việc chuẩn bị sự nghiệp hay khởi nghiệp sau khi kết thúc những năm học trên ghế trường đại học.

CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC: ĐẢM BẢO TUÂN THỦ MỌI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Tuân thủ các quy định, luật được các cơ quan chức năng, cơ quan có thẩm quyền đề ra.

- Năm 2022, toàn thể nhân viên PSI đã tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, PSI không ghi nhận biên bản, thông báo nào liên quan đến vi phạm pháp luật, quy định trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước

- Làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là cam kết của PSI trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

TRUYỀN THÔNG, BÁO CHÍ: DUY TRÌ QUAN HỆ MINH BẠCH

Sẵn sàng và cởi mở chia sẻ thông tin trên các phương tiện truyền thông, báo chí

- PSI đã xây dựng mối quan hệ đối tác bền vững với những đơn vị truyền thông lớn về Kinh tế-tài chính Việt Nam như CafeF, Báo Đầu tư Chứng khoán, VnExpress... Thông qua hợp tác, cơ quan báo chí và PSI thắt chặt thêm mối quan hệ hữu nghị, tin cậy, hiểu biết lẫn nhau. Nhờ mối quan hệ hợp tác, các đơn vị truyền thông, báo chí đã góp phần làm cho nội dung thông tin, tuyên truyền về nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động của PSI trên các ấn phẩm bảo đảm đúng định hướng.

- Thông qua hợp tác với các cơ quan báo chí, PSI có thêm người bạn đồng hành trong công tác tuyên truyền, từ đó kết nối thêm được nhiều đối tượng công chúng ở nhiều địa bàn, nhiều lĩnh vực, phạm vi khác nhau.

06

PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt
Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	104 - 105
Báo cáo kiểm toán độc lập	106 - 107
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	108 - 151
Báo cáo tình hình tài chính	108 - 111
Báo cáo kết quả hoạt động	112 - 113
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	114 - 116
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	117
Thuyết minh Báo cáo tài chính	118 - 151

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102095561, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	
Bà Hồ Việt Hà	Ủy viên	
Ông Trịnh Thế Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Ủy viên	
Ông Trần Tuấn Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2022
Ông Phạm Anh Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2022

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phan Quỳnh Nga	Phó Giám đốc Phụ trách	Bổ nhiệm ngày 09/01/2023
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/06/2022 và miễn nhiệm ngày 09/01/2023
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng ban
Ông Bùi Thế Anh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị An	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Quỳnh Nga

Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 49, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như Công ty trình bày tại Thuyết minh số 5 - "Các loại tài sản tài chính" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2022, tài sản tài chính sẵn sàng để bán của Công ty bao gồm các khoản đầu tư và ủy thác quản lý danh mục đầu tư với giá trị sổ sách là 141,7 tỷ đồng, chiếm 22,2% vốn chủ sở hữu, phát sinh từ năm 2012 trở về trước và không phát sinh đầu tư thêm đến thời điểm hiện tại. Công ty đã thực hiện trích dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán với giá trị lũy kế đến 31/12/2022 là 62 tỷ đồng, thanh lý một số khoản đầu tư không có hiệu quả và đang nỗ lực thực hiện các biện pháp nhằm đưa tỷ lệ sở hữu các tài sản tài chính này về đúng quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.976.670.873.467	2.093.354.555.466
110	I. Tài sản tài chính		1.971.516.995.425	2.091.867.168.366
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	281.268.671.770	52.555.942.778
111.1	1.1 Tiền		281.268.671.770	52.555.942.778
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	194.484.853.475	305.929.910.559
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	627.958.487.897	432.400.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	751.230.459.507	1.159.046.601.171
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	146.593.812.833	145.696.548.218
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(61.995.734.529)	(51.084.562.824)
117	7. Các khoản phải thu	7	27.342.981.417	21.157.908.322
117.2	7.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		27.342.981.417	21.157.908.322
117.3	7.1.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		12.534.450.688	11.711.603.351
117.4	7.1.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		14.808.530.729	9.446.304.971
118	8. Trả trước cho người bán	9	1.191.532.290	11.119.716.435
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	8.538.624.877	10.444.495.767
122	10. Các khoản phải thu khác	7	11.160.437.706	21.143.305.331
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(16.257.131.818)	(16.542.697.391)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		5.153.878.042	1.487.387.100
131	1. Tạm ứng		723.864.632	269.653.861
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	4.321.703.223	407.531.323
136	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	108.310.187	-
137	4. Tài sản ngắn hạn khác		209.000.000	1.019.201.916
139	5. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		(209.000.000)	(209.000.000)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		38.656.080.105	89.717.446.991
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		-	50.012.500.000
212	1. Các khoản đầu tư		-	50.012.500.000
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	50.012.500.000
220	II. Tài sản cố định		15.087.712.433	17.657.719.194
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	6.310.868.171	8.433.179.623
222	- Nguyên giá		27.863.320.092	27.200.559.792
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.552.451.921)	(18.767.380.169)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	8.776.844.262	9.224.539.571
228	- Nguyên giá		32.439.140.035	29.020.640.035
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.662.295.773)	(19.796.100.464)
250	V. Tài sản dài hạn khác		23.568.367.672	22.047.227.797
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11	1.917.052.250	1.933.797.250
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	3.553.776.210	4.388.225.946
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	18.097.539.212	15.725.204.601
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.015.326.953.572	2.183.072.002.457

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.356.280.646.770	1.564.102.873.914
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		1.356.180.174.028	1.564.002.401.172
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	831.780.000.000	332.050.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		831.780.000.000	332.050.000.000
316	3. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	17	214.200.000.000	879.300.000.000
318	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	1.842.653.486	2.598.563.571
320	5. Phải trả người bán ngắn hạn	19	1.530.440.326	4.129.298.626
321	6. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	6.290.467.510	2.137.442.500
322	7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	5.899.119.002	16.576.617.558
323	8. Phải trả người lao động		4.938.800.873	7.306.809.658
324	9. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.179.192.300	1.241.370.461
325	10. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	16.700.481.066	19.171.727.040
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24	271.616.200.161	299.490.571.758
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		202.819.304	-
340	II. Nợ phải trả dài hạn		100.472.742	100.472.742
352	1. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23	90.000.000	90.000.000
355	2. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư		10.472.742	10.472.742
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		659.046.306.802	618.969.128.543
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	659.046.306.802	618.969.128.543
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		624.576.190.150	624.576.190.150
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		598.413.000.000	598.413.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		598.413.000.000	598.413.000.000
411.2	1.3 Thặng dư vốn cổ phần		26.163.190.150	26.163.190.150
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		-	(15.000.000.000)
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.732.088.575	3.375.291.013
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		4.721.738.575	3.364.941.013
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		25.016.289.502	2.652.706.367
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		30.823.863.664	2.619.905.083
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(5.807.574.162)	32.801.284
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.015.326.953.572	2.183.072.002.457

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
005	1. Ngoại tệ các loại	26	5.956,06	38.631,37
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		59.841.300	59.841.300
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán		1.106.656	906.233
009	4. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		98	98
012	5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		14.656.678	15.816.796
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		2.280.660.769	2.011.035.965
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		1.882.961.852	1.701.930.072
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		165.273.055	165.236.143
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		225.299.659	132.867.708
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		18.021	18.021
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		7.108.182	10.984.021
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		28.465.311	3.062.769
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.841.611	3.054.548
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		26.623.700	8.221
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư		7.162.842	10.677.740

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
026	4. Tiền gửi của khách hàng	27	385.533.911.621	605.143.807.901
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		377.949.819.419	548.215.355.938
029	4.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		7.584.092.202	56.827.992.313
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		3.352.248.266	52.664.029.605
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		4.231.843.936	4.163.962.708
030	4.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		-	100.459.650
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28	385.533.911.621	605.043.348.251
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		372.388.380.989	576.412.047.890
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		13.145.530.632	28.631.300.361
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		-	100.459.650

Lê Thị Thanh Tâm
Người lập

Phạm Thị Vân
Phụ trách kế toán

Phan Quỳnh Nga
Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	180.421.707.917	134.360.295.693
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	165.110.123.085	125.950.332.633
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	13.359.046.685	7.845.613.380
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	1.952.538.147	564.349.680
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.512.478.048	19.399.621.478
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	147.272.043.962	120.784.816.832
04	1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	260.000.000
06	1.5	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	69.314.374.242	128.067.047.004
07	1.6	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	9.090.909	-
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	7.545.360.810	6.911.978.448
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	33.982.920.055	29.888.262.954
11	1.9	Thu nhập hoạt động khác	14.102.686.190	13.731.654.863
20		Cộng doanh thu hoạt động	482.160.662.133	453.403.677.272
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	113.968.537.328	23.294.710.767
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	94.479.983.601	16.334.210.707
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	19.199.422.131	6.644.388.444
21.3	c.	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	289.131.596	316.111.616
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	10.911.171.705	12.650.000.000
26	2.3	Chi phí hoạt động tự doanh	61.623.413.539	96.980.351.439
27	2.4	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	107.388.677.045	134.474.442.386
28	2.5	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	9.090.910
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	7.391.654.666	7.400.678.400
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	25.331.627.253	26.873.696.368
32	2.8	Chi phí các dịch vụ khác	841.436.343	1.286.394.670
40		Cộng chi phí hoạt động	327.456.517.879	302.969.364.940
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	161.322.326	8.482.883
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	1.550.409.379	1.766.627.707
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	1.711.731.705	1.775.110.590

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	24.615.592	42.882.547
52	4.2	Chi phí lãi vay	87.923.251.848	59.070.026.764
60		Cộng chi phí tài chính	87.947.867.440	59.112.909.311
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN				
62			42.132.440.088	49.658.261.875
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
70			26.335.568.431	43.438.251.736
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1	Thu nhập khác	245.109.829	127.418.671
72	8.2	Chi phí khác	3.500.001	20
80		Cộng kết quả hoạt động khác	241.609.828	127.418.651
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
90			26.577.178.259	43.565.670.387
91	9.1	Lợi nhuận đã thực hiện	32.417.553.705	42.364.445.451
92	9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	(5.840.375.446)	1.201.224.936
100		X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	34	8.412.819.156
100.1	10.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	8.412.819.156
200		XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN	26.577.178.259	35.152.851.231
300 XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN				
301	12.1	Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.000.000.000	-
400		Tổng thu nhập toàn diện	15.000.000.000	-
500 XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	13.1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	444	587





Lê Thị Thanh Tâm
Người lập

Phạm Thị Vân
Phụ trách kế toán

Phan Quỳnh Nga
Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		26.577.178.259	43.565.670.387
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		103.663.758.044	73.760.163.220
03	- Khấu hao tài sản cố định		6.651.267.061	5.425.325.013
04	- Các khoản dự phòng		10.625.606.132	11.159.211.577
05	- Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		14.042.382	(2.317.882)
06	- Chi phí lãi vay		87.923.251.848	59.070.026.764
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.550.409.379)	(1.892.082.252)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		19.199.422.131	6.644.388.444
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		19.199.422.131	6.644.388.444
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(13.359.046.685)	(7.845.613.380)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(13.359.046.685)	(7.845.613.380)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		260.546.310.546	(809.257.270.462)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		105.604.681.638	(290.552.025.103)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(145.545.987.897)	(204.535.760.190)
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		407.816.141.664	(531.353.524.696)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		14.102.735.385	73.010.000.000
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		-	1.625.000
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(6.185.073.095)	(6.841.305.155)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		6.058.895.900	2.324.068.168
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		9.982.867.625	29.540.806.516
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(2.016.343.466)	(462.457.369)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		2.389.290.989	7.911.380.954
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(3.079.722.164)	974.100.366
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.079.149.205)	(3.000.000.000)
44	- Lãi vay đã trả		(92.783.788.811)	(50.797.340.935)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		7.329.325.845	3.537.695.703
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(62.178.161)	577.437.588
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(5.706.659.538)	8.218.061.561
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(2.368.008.785)	6.414.091.690
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(28.630.281.682)	154.898.389.323
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		60.000.000	185.110.000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.340.435.696)	(9.307.623.883)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		396.627.622.295	(693.132.661.791)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2022


(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(4.081.260.300)	(5.306.476.909)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	125.454.545
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		1.550.409.379	1.766.627.707
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2.530.850.921)	(3.414.394.657)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		6.450.417.029.740	6.675.440.000.000
73.1	1.1 Tiền vay khác		6.450.417.029.740	6.675.440.000.000
74	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.615.787.029.740)	(5.939.870.000.000)
74.1	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(6.615.787.029.740)	(5.939.870.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(165.370.000.000)	735.570.000.000
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		228.726.771.374	39.022.943.552
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		52.555.942.778	13.530.681.344
101.1	- Tiền		52.555.942.778	13.530.681.344
102	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(14.042.382)	2.317.882
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	281.268.671.770	52.555.942.778
103.1	- Tiền		281.268.671.770	52.555.942.778

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		24.670.763.781.732	42.504.870.376.145
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(23.125.352.581.370)	(38.883.737.434.095)
08	3. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.757.375.276.182)	(4.173.506.121.307)
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(7.545.360.810)	(6.911.978.448)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.391.380.352.807	1.229.068.830.152
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(1.391.480.812.457)	(1.229.020.858.002)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(219.609.896.280)	(559.237.185.555)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng				
30			605.143.807.901	1.164.380.993.456
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		605.143.807.901	1.164.380.993.456
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		548.215.355.938	1.109.153.908.468
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		56.827.992.313	55.174.597.488
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		100.459.650	52.487.500
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	27	385.533.911.621	605.143.807.901
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		385.533.911.621	605.143.807.901
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		377.949.819.419	548.215.355.938
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		7.584.092.202	56.827.992.313
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	100.459.650


Lê Thị Thanh Tâm
Người lập


Phạm Thị Vân
Phụ trách kế toán


Phan Quỳnh Nga
Phó Giám đốc phụ trách



Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

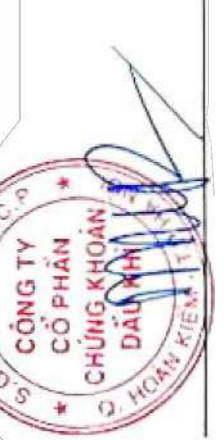
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2022

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	01/01/2021		Năm 2021		Năm 2022	
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	624.576.190.150	624.576.190.150	-	-	624.576.190.150	624.576.190.150
1.1 Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	598.413.000.000	598.413.000.000	-	-	598.413.000.000	598.413.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	26.163.190.150	26.163.190.150	-	-	26.163.190.150	26.163.190.150
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	3.375.291.013	3.375.291.013	-	1.356.797.562	3.375.291.013	4.732.088.575
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	3.364.941.013	3.364.941.013	-	-	3.364.941.013	4.721.738.575
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	(15.000.000.000)	(15.000.000.000)	-	-	(15.000.000.000)	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(32.000.144.864)	2.652.706.367	35.152.851.231	500.000.000	2.652.706.367	25.016.289.502
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	(30.831.721.212)	2.619.905.083	33.951.626.295	500.000.000	2.619.905.083	30.823.863.664
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.168.423.652)	32.801.284	1.201.224.936	-	32.801.284	(5.807.574.162)
TỔNG CỘNG	584.316.277.312	618.969.128.543	35.152.851.231	500.000.000	618.969.128.543	659.046.306.802



Phan Quỳnh Nga
Phó Giám đốc phụ trách

Phạm Thị Vân
Phụ trách kế toán

Lê Thị Thanh Tâm
Người lập

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 19 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 09 năm 2020. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102095561, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 13 vào ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 598.413.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 598.413.000.000 đồng; tương đương 59.841.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 167 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 159 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 21 tháng 07 năm 2010 với mã giao dịch là PSI.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, TP. Vũng Tàu
Chi nhánh Đà Nẵng	Tầng G và Tầng 1 tòa nhà PVComBank Đà Nẵng, lô A2.1, đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Áp dụng hướng dẫn mới

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") bãi bỏ toàn bộ thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ do Bộ tài chính ban hành. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

Một số thay đổi chủ yếu trong Thông tư 114 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ hoạt động bao gồm:

- Quy định việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi thực hiện theo TT48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48") do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Quy định về việc sử dụng số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Hướng dẫn xử lý số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ như trình bày tại **thuyết minh số 2.14**.

Ngày 07 tháng 04 năm 2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 24/2022/TT-BTC ("Thông tư 24") sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 48 hướng dẫn trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi. Theo đó, Thông tư 24 sửa đổi đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và Thông tư 24 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 05 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chi định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tài Ngân hàng chi định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chi tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.6 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm đánh giá lại do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.7 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.8 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế	02 - 06 năm
- Các tài sản khác	03 - 05 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí thuê văn phòng, chi phí dịch vụ bản quyền và các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 năm đến 05 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo luật chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.

- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.16 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh

Doanh thu được ghi nhận khi các bên tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh công bố chia doanh thu cho các bên theo điều khoản quy định trong Hợp đồng.

2.17 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.18 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thương hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thương hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

2.19 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022.

2.20 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	45.836.900	5.295.667.979.000
- Cổ phiếu	754.900	21.702.880.000
- Trái phiếu	45.082.000	5.273.965.099.000
Của nhà đầu tư	1.969.640.596	47.790.916.016.482
- Cổ phiếu	1.891.744.050	41.246.804.883.920
- Trái phiếu	64.499.338	6.538.989.223.362
- Chứng khoán khác	13.397.208	5.121.909.200
	2.015.477.496	53.086.583.995.482

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	164.649.478	188.371.714
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	182.787.378.159	21.274.993.999
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	98.316.644.133	31.092.577.065
	281.268.671.770	52.555.942.778

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng khoán niêm yết và chứng khoán upcom	21.965.904.352	16.158.330.190	16.195.727.436	16.228.528.720
Chứng khoán chưa niêm yết	178.326.523.285	178.326.523.285	178.106.781.839	178.106.781.839
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	111.594.600.000	111.594.600.000
	200.292.427.637	194.484.853.475	305.897.109.275	305.929.910.559

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	141.693.812.833	79.698.078.304	155.796.548.218	89.711.985.394
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	4.900.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000
	146.593.812.833	84.598.078.304	160.696.548.218	94.611.985.394

c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm (1)	577.400.000.000	432.400.000.000
Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (2)	50.558.487.897	-
	627.958.487.897	432.400.000.000

(1) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 năm gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất từ 5%/năm đến 6,6%/năm.

(2) Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn 01 năm từ ngày 30/06/2022 đến ngày 30/06/2023 với lãi suất 5,5%/năm.

d) Các khoản cho vay

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Hoạt động margin	679.498.984.168	1.021.910.491.903
Hoạt động ứng trước tiền bán	71.731.475.339	137.136.109.268
	751.230.459.507	1.159.046.601.171

- Trường hợp Công ty chứng khoán hạch toán tài sản tài chính theo phương pháp giá gốc

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	61.995.734.529	51.084.562.824
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam</i>	<i>25.392.900.028</i>	<i>25.392.900.028</i>
<i>Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh Quảng Ngãi</i>	<i>7.650.000.000</i>	<i>7.650.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Thanh Sơn</i>	<i>10.000.000.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải</i>	<i>8.346.495.891</i>	<i>8.359.302.234</i>
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex</i>	-	<i>365.460.562</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam</i>	<i>5.606.338.610</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Điều Phú Yên</i>	-	<i>4.316.900.000</i>
	61.995.734.529	51.084.562.824

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	14.808.530.729	9.446.304.971
Phải thu lãi hoạt động Margin	5.404.728.477	4.581.881.140
Phải thu tiền lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	7.129.722.211	7.129.722.211
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	8.538.624.877	10.444.495.767
- <i>Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán</i>	<i>172.235.492</i>	<i>419.186.070</i>
- <i>Phải thu hoạt động tư vấn</i>	<i>7.033.649.931</i>	<i>7.670.159.868</i>
- <i>Phải thu các dịch vụ tài chính khác</i>	<i>1.332.739.454</i>	<i>2.355.149.829</i>
Phải thu khác	11.160.437.706	21.143.305.331
- <i>Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư</i>	-	<i>10.000.000.000</i>
- <i>Phải thu khác</i>	<i>11.160.437.706</i>	<i>11.143.305.331</i>
	47.042.044.000	52.745.709.420

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

9 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần tư vấn Đầu tư BrotherCapital	-	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và dịch vụ Goline	-	597.000.000
Công ty TNHH thiết kế - thi công nội thất hd design & build	451.831.105	-
Trả trước cho người bán khác	739.701.185	522.716.435
	1.191.532.290	11.119.716.435

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Cước thuê kênh internet và dịch vụ cung cấp thông tin	727.661.262	134.782.013
Chi phí cải tạo và thuê văn phòng	136.501.140	272.749.310
Chi phí bảo trì phần mềm	3.457.540.821	-
	4.321.703.223	407.531.323

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	981.224.419	1.143.630.266
Chi phí cải tạo và thuê văn phòng	1.373.131.794	2.615.138.604
Chi phí trả trước cước leased line Internet	220.449.032	491.192.297
Chi phí trả trước dài hạn khác	978.970.965	138.264.779
	3.553.776.210	4.388.225.946

11 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng và dịch vụ khác	1.917.052.250	1.933.797.250
	1.917.052.250	1.933.797.250

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	22.729.448	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	85.580.739	-
	108.310.187	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	3.398.642.200	23.801.917.592	27.200.559.792
Mua trong năm	-	662.760.300	662.760.300
Tại ngày 31/12/2022	3.398.642.200	24.464.677.892	27.863.320.092
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	1.337.812.876	17.429.567.293	18.767.380.169
Khấu hao trong năm	424.420.008	2.360.651.744	2.785.071.752
Tại ngày 31/12/2022	1.762.232.884	19.790.219.037	21.552.451.921
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	2.060.829.324	6.372.350.299	8.433.179.623
Tại ngày 31/12/2022	1.636.409.316	4.674.458.855	6.310.868.171

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.030.876.664 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2022	27.980.640.035	1.040.000.000	29.020.640.035
Mua trong năm	3.418.500.000	-	3.418.500.000
Tại ngày 31/12/2022	31.399.140.035	1.040.000.000	32.439.140.035
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2022	18.756.100.464	1.040.000.000	19.796.100.464
Khấu hao trong năm	3.866.195.309	-	3.866.195.309
Tại ngày 31/12/2022	22.622.295.773	1.040.000.000	23.662.295.773
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	9.224.539.571	-	9.224.539.571
Tại ngày 31/12/2022	8.776.844.262	-	8.776.844.262

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 14.870.001.295 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung và lãi phân bổ lũy kế	17.977.539.212	15.605.204.601
	18.097.539.212	15.725.204.601

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

16 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2022 VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	31/12/2022 VND
Vay ngắn hạn	332.050.000.000	6.089.417.029.740	(5.589.687.029.740)	831.780.000.000
Vay ngân hàng	332.050.000.000	6.089.417.029.740	(5.589.687.029.740)	831.780.000.000
	332.050.000.000	6.089.417.029.740	(5.589.687.029.740)	831.780.000.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (1)	541.800.000.000	302.050.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (2)	79.980.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (3)	210.000.000.000	-
	831.780.000.000	332.050.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ

(1) Các hợp đồng thấu chi ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động đầu tư, kinh doanh trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh phát hành, giấy tờ có giá và chứng khoán khác (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, cổ phiếu);
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với Ngân hàng.

(2) Các hợp đồng thấu chi ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;
- + được xác định trong từng Hợp đồng thấu chi cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với Ngân hàng.

(3) Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0664-2022-HĐTĐ1-BVB005 ký ngày 30/09/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư vào Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Chứng chỉ tiền gửi. Bao gồm cả mục đích bù đắp khoản đầu tư đã thực hiện;
- + Thời hạn của hợp đồng: tối đa 03 tháng/Khế ước vay;
- + Lãi suất: được xác định trong từng Khế ước nhận nợ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

17 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi (*)	214.200.000.000	879.300.000.000
	<u>214.200.000.000</u>	<u>879.300.000.000</u>

(*) Thông tin về kết quả phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2022:

- + Mệnh giá: 100.000.000 đồng/1 trái phiếu;
- + Số lượng trái phiếu đang lưu hành tính đến 31/12/2022: 2.142.000 trái phiếu;
- + Lãi suất danh nghĩa: Lãi suất cố định từ 9 - 9,5%/năm;
- + Ngày đáo hạn trái phiếu: 01/04/2023 và 01/10/2023;
- + Mục đích phát hành: tăng quy mô vốn hoạt động cho vay chứng khoán giao dịch ký quỹ.

18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	262.336.470	280.573.139
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	952.885.663	1.710.807.397
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	627.431.353	607.183.035
	<u>1.842.653.486</u>	<u>2.598.563.571</u>

19 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Tích hợp hệ thống CMC	-	1.077.350.000
Công ty Cổ phần Công nghệ tin học và dịch vụ Goline	435.020.000	-
Phải trả các đối tượng khác	1.095.420.326	3.051.948.626
	<u>1.530.440.326</u>	<u>4.129.298.626</u>

20 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Người mua trả tiền trước mua bán cổ phiếu tự doanh	5.559.999.990	1.560.000.000
Người mua trả tiền trước hoạt động tư vấn	721.600.000	577.442.500
Người mua trả tiền trước khác	8.867.520	-
	<u>6.290.467.510</u>	<u>2.137.442.500</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

21 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	59.573.848
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.993.568.466
Thuế Thu nhập cá nhân	5.606.213.360	11.459.149.478
Các loại thuế khác	292.905.642	64.325.766
	<u>5.899.119.002</u>	<u>16.576.617.558</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

22 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.272.024.319	9.132.561.282
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	12.428.456.747	10.039.165.758
	<u>16.700.481.066</u>	<u>19.171.727.040</u>

23 . NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nhận đặt cọc thuê văn phòng, dịch vụ khác	90.000.000	90.000.000
	<u>90.000.000</u>	<u>90.000.000</u>

24 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải trả cổ tức, lãi cổ tức cho nhà đầu tư	14.027.934.271	18.901.259.095
Phải trả các hợp đồng dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp (*)	231.307.012.292	255.748.160.452
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.027.648.903	1.027.648.903
Giảm lãi Margin cho khách hàng	-	2.525.900.617
Phải trả trái tức thu hộ khách hàng	17.342.544.432	18.480.395.412
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.911.060.263	2.807.207.279
	<u>271.616.200.161</u>	<u>299.490.571.758</u>

(*) Khoản phải trả liên quan đến các hợp đồng ký kết giữa Công ty và các khách hàng thông qua việc Công ty thực hiện tìm kiếm, giới thiệu mã chứng khoán cho khách hàng có nhu cầu đầu tư; hoặc kinh doanh với mục đích phù hợp theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

25 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2022 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2022 VND
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại chúng Việt Nam	51,17%	306.226.740.000	51,17%	306.226.740.000
SMBC Nikko Securities Inc.	14,90%	89.163.000.000	14,90%	89.163.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thành Việt	6,57%	39.312.000.000	6,77%	40.498.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	27,36%	163.711.260.000	27,16%	162.525.260.000
	100%	598.413.000.000	100%	598.413.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	30.823.863.664	2.619.905.083
Lợi nhuận chưa thực hiện	(5.807.574.162)	32.801.284
	25.016.289.502	2.652.706.367

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	2.619.905.083	(30.831.721.212)
Lãi/lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(5.807.574.162)	32.801.284
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	32.417.553.705	33.951.626.295
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	35.037.458.788	3.119.905.083
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(4.213.595.124)	(500.000.000)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(1.356.797.562)	-
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(1.356.797.562)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.500.000.000)	(500.000.000)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính	30.823.863.664	2.619.905.083

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQ- ĐHĐCD-CKDK ngày 28 tháng 04 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ dự trữ điều lệ (*)	1.356.797.562
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (*)	1.356.797.562
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.500.000.000

(*) Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ đã được trích lập, Công ty dự kiến sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	624.576.190.150	624.576.190.150
- Vốn góp đầu năm	624.576.190.150	624.576.190.150
- Vốn góp cuối năm	624.576.190.150	624.576.190.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

e) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.841.300	59.841.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.841.300	59.841.300
- Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	59.841.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.841.300	59.841.300
- Cổ phiếu phổ thông	59.841.300	59.841.300
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

26 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

	31/12/2022	01/01/2022
Ngoại tệ các loại		
- USD	5.956,06	38.631,37

27 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	377.949.819.419	548.215.355.938
1. Nhà đầu tư trong nước	377.949.819.419	548.215.355.938
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	7.584.092.202	56.827.992.313
1. Nhà đầu tư trong nước	3.352.248.266	52.664.029.605
2. Nhà đầu tư nước ngoài	4.231.843.936	4.163.962.708
Tiền gửi của tổ chức phát hành	-	100.459.650
2. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	-	100.459.650
	385.533.911.621	605.143.807.901

28 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	385.533.911.621	605.043.348.251
1.1 Nhà đầu tư trong nước	372.388.380.989	576.412.047.890
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	13.145.530.632	28.631.300.361
	385.533.911.621	605.043.348.251

29 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	684.903.712.645	1.026.492.373.043
1.1 Phải trả gốc margin	679.498.984.168	1.021.910.491.903
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>679.498.984.168</i>	<i>1.021.910.491.903</i>
1.2 Phải trả lãi margin	5.404.728.477	4.581.881.140
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>5.404.728.477</i>	<i>4.581.881.140</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	71.731.475.339	137.136.109.268
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	71.731.475.339	137.136.109.268
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>71.731.475.339</i>	<i>137.136.109.268</i>
	756.635.187.984	1.163.628.482.311

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

30 . THU NHẬP

a) **Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

b) **Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.952.538.147	564.349.680
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.512.478.048	19.399.621.478
Từ các khoản cho vay	147.272.043.962	120.784.816.832
	178.737.060.157	140.748.787.990

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Doanh thu từ trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức của tổ chức phát hành	-	384.299.089
- Doanh thu khác	14.102.686.190	13.347.355.774
Thu nhập thuần hoạt động khác	14.102.686.190	13.731.654.863

31 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	161.322.326	8.482.883
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>161.322.326</i>	<i>6.165.001</i>
- <i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	-	<i>2.317.882</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	1.550.409.379	1.766.627.707
	1.711.731.705	1.775.110.590

32 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	24.615.592	42.882.547
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	<i>10.573.210</i>	<i>42.882.547</i>
- <i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>14.042.382</i>	-
Chi phí lãi vay	87.923.251.848	59.070.026.764
	87.947.867.440	59.112.909.311

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	20.630.939.436	20.738.719.445
Chi phí vật tư văn phòng	308.664.803	337.110.043
Chi phí công cụ, dụng cụ	722.750.293	535.989.182
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	2.164.709.314	1.390.404.593
Chi phí thuế, phí và lệ phí	147.932.909	6.075.800.930
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(316.800.000)	125.400.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.929.995.097	8.033.301.725
Chi phí khác	9.544.248.236	12.421.535.957
	42.132.440.088	49.658.261.875

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.577.178.259	43.565.670.387
Các khoản điều chỉnh tăng	6.443.875.447	264.000.020
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>603.500.001</i>	<i>264.000.020</i>
- <i>Điều chỉnh tăng phần lợi nhuận chưa thực hiện</i>	<i>5.840.375.446</i>	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(38.771.539.471)	(1.765.574.616)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(336.976.647)</i>	(564.349.680)
- <i>Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư theo thông tư 114/2021/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính 2022</i>	<i>(38.434.562.824)</i>	-
- <i>Điều chỉnh giảm phần lợi nhuận chưa thực hiện</i>	-	(1.201.224.936)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.750.485.765)	42.064.095.791
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	8.412.819.156
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.993.568.466	(419.250.690)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5.079.149.205)	(3.000.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(85.580.739)	4.993.568.466

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	26.577.178.259	35.152.851.231
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	26.577.178.259	35.152.851.231
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	59.841.300	59.841.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	444	587

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	194.897.721.108	-	-	194.897.721.108
	194.897.721.108	-	-	194.897.721.108
Tại ngày 01/01/2022				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	305.929.910.559	-	-	305.929.910.559
	305.929.910.559	-	-	305.929.910.559

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro về lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	281.268.671.770	-	-	281.268.671.770
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	627.958.487.897	-	-	627.958.487.897
Các khoản cho vay	748.715.479.130	-	-	748.715.479.130
Các khoản phải thu	33.299.892.559	-	-	33.299.892.559
	1.691.242.531.356	-	-	1.691.242.531.356
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.555.942.778	-	-	52.555.942.778
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	432.400.000.000	-	50.012.500.000	482.412.500.000
Các khoản cho vay	1.156.531.620.794	-	-	1.156.531.620.794
Các khoản phải thu	38.717.992.406	-	-	38.717.992.406
	1.680.205.555.978	-	50.012.500.000	1.730.218.055.978

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	1.045.980.000.000	-	-	1.045.980.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	274.989.293.973	-	-	274.989.293.973
Chi phí phải trả	16.700.481.066	-	-	16.700.481.066
	1.337.669.775.039	-	-	1.337.669.775.039
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	1.211.350.000.000	-	-	1.211.350.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	306.218.433.955	-	-	306.218.433.955
Chi phí phải trả	19.171.727.040	-	-	19.171.727.040
	1.536.740.160.995	-	-	1.536.740.160.995

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Doanh thu			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của Công ty mẹ	6.289.589.260	4.136.562.322
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	1.323.012.562	1.814.129.040
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng công ty mẹ	-	2.850.903.305

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2022	01/01/2022
		VND	VND
Tiền gửi			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	50.644.326.073	15.244.516.864
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Bên liên quan của	243.048.868	202.548.868
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty mẹ	152.183.475	152.183.475

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	852.993.750	938.836.000
Bà Hồ Việt Hà	Thành viên HĐQT	120.000.000	48.000.000
Ông Trịnh Thế Phương	Thành viên HĐQT	120.000.000	48.000.000
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT	40.000.000	48.000.000
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	80.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Thành viên HĐQT/Giám đốc	979.884.850	884.026.413
Bà Phan Quỳnh Nga	Phó Giám đốc phụ trách	803.924.220	709.901.243
Ông Bùi Huy Long	Phó Giám đốc	-	181.964.500
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc	769.649.603	765.258.734
Ông Nguyễn Văn Nhiệm	Trưởng ban BKS	452.105.000	473.666.000
Ông Bùi Thế Anh	Thành viên BKS	60.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị An	Thành viên BKS	60.000.000	36.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍSố 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội,
Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực, bãi bỏ thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 về hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ. Theo đó, quy định về việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Mã số	Số liệu trên BCTC đã được kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	

Báo cáo tình hình tài chính

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	140.179.648.218	145.696.548.218	5.516.900.000	(*)
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế	116	(12.650.000.000)	(51.084.562.824)	(38.434.562.824)	(*)
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412	(20.516.900.000)	(15.000.000.000)	5.516.900.000	(*)
Lợi nhuận chưa phân phối	417	41.087.269.191	2.652.706.367	(38.434.562.824)	(*)

Báo cáo kết quả hoạt động

Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	301	(8.016.900.000)	-	8.016.900.000	(*)
--	-----	-----------------	---	---------------	-----

(*) Điều chỉnh bổ sung dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp theo quy định tại Thông tư 114/2021/TT-BTC.

Lê Thị Thanh Tâm
Người lập

Phạm Thị Vân
Phụ trách kế toán

Phan Quỳnh Nga
Phó Giám đốc phụ trách

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	Giá trị phải thu khó đối	Năm nay		Số cuối năm VND	Năm trước VND
		Số đầu năm	Số trích lập VND		
Dự phòng khó đối phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	7.129.722.211	7.129.722.211	-	7.129.722.211	7.129.722.211
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí	7.129.722.211	7.129.722.211	-	7.129.722.211	7.129.722.211
Dự phòng khó đối nợ phải thu khác	9.230.669.762	9.412.975.180	258.681.383	9.127.409.607	9.412.975.180
- Phải thu hoạt động tư vấn	6.052.949.931	6.100.059.868	101.337.019	(137.446.956)	6.100.059.868
- Phải thu các dịch vụ khác	662.739.454	797.934.935	157.344.364	(406.800.000)	797.934.935
- Phải thu hợp đồng giao dịch ký quỹ Margin	2.514.980.377	2.514.980.377	-	2.514.980.377	2.514.980.377
	16.360.391.973	16.542.697.391	258.681.383	(544.246.956)	16.542.697.391

Báo Cáo Thường Niên | PSI | 154

30 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

Báo cáo tài chính

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

30 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán năm 2022	Tổng giá trị bán VND		Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay VND		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước VND	
		Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND		Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	-	-	513.831.759	-	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần PVI	65.000	3.332.390.000	3.184.500.000	147.890.000	-	2.991.890.000	-	-
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	-	-	-	-	-	-	-	2.686.786.256
- Công ty Cổ phần Fecon	-	-	-	-	-	-	-	895.301.981
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần	200.000	4.150.000.000	3.215.000.000	935.000.000	-	-	-	-
- Chứng Chi tiền gửi	150.003	318.303.188.356	317.687.250.000	615.938.356	-	3.024.448.862	4.857.534	-
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	300.000	7.389.600	3.000.000.000	-	2.992.610.400	-	-	-
- Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	215.845	5.316.481	4.316.900.000	4.316.900.000	-	4.311.583.519	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	200.000	4.926.400	2.000.000.000	2.000.000.000	-	1.995.073.600	-	-
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Việt Nam	240.000	4.800.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000	-	-	-	-
- Cổ phiếu/ Trái phiếu niêm yết khác	22.876.000	2.667.706.270.000	2.609.781.610.979	60.804.588.934	2.879.929.913	100.590.500.000	-	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	41.865.851	4.781.032.225.790	4.760.726.306.164	102.606.705.795	82.300.786.169	17.934.360.031	13.642.566.917	-
		7.779.341.706.627	7.708.711.567.143	165.110.123.085	94.479.983.601	125.950.332.633	16.334.210.707	

b) . **Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2022		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	21.965.904.352	16.158.330.190	1.190.233.823	1.190.233.823	(6.997.807.985)	809.256.310	(776.455.026)	13.359.046.685	13.359.046.685	(19.199.422.131)
Chứng khoán niêm yết upcom	21.965.904.352	16.158.330.190	1.190.233.823	1.190.233.823	(6.997.807.985)	809.256.310	(776.455.026)	13.359.046.685	13.359.046.685	(19.199.422.131)
- PPY	723.795	323.900	-	-	(399.895)	43.805	-	149.100	149.100	(592.800)
- PAI	5.018.100.000	6.122.082.000	1.103.982.000	1.103.982.000	-	-	(752.715.000)	3.412.308.000	3.412.308.000	(1.555.611.000)
- VPB	4.748.817.890	3.570.745.700	-	-	(1.178.072.190)	-	-	1.761.606.790	1.761.606.790	(2.944.343.250)
- PAN	9.750.116.561	4.783.760.800	-	-	(4.966.355.761)	-	-	2.609.861.600	2.609.861.600	(7.727.128.861)
- PVI	-	-	-	-	-	-	(6.000.000)	-	-	-
- Cổ phiếu khác	2.448.146.106	1.681.417.790	86.251.823	86.251.823	(852.980.139)	809.212.505	(17.740.026)	5.573.121.195	5.573.121.195	(6.971.746.220)
	21.965.904.352	16.158.330.190	1.190.233.823	1.190.233.823	(6.997.807.985)	809.256.310	(776.455.026)	13.359.046.685	13.359.046.685	(19.199.422.131)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHI

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

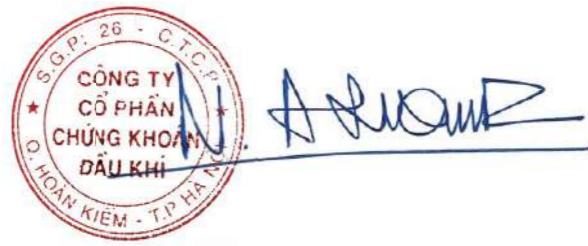
Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán		Hoạt động đầu tư tự doanh		Các hoạt động khác		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	224.140.869.923	180.421.707.917	77.598.084.293	482.160.662.133				
Chi phí hoạt động	202.703.583.559	186.503.122.572	26.173.063.596	415.379.769.727				
Doanh thu không phân bổ				1.711.731.705				
Chi phí không phân bổ				42.157.055.680				
Kết quả hoạt động	21.437.286.364	(6.081.414.655)	51.425.020.697	26.335.568.431				
Tài sản bộ phận trực tiếp	762.563.132.705	279.082.931.779	627.711.664.298	1.669.357.728.782				
Tài sản không phân bổ				345.969.224.790				
Tổng tài sản	762.563.132.705	279.082.931.779	627.711.664.298	2.015.326.953.572				
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	273.458.853.647	-	1.053.800.907.836	1.327.259.761.483				
Nợ phải trả không phân bổ				29.020.885.287				
Tổng nợ phải trả	273.458.853.647	-	1.053.800.907.836	1.356.280.646.770				

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ANH TUẤN






CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ
PETROVIETNAM SECURITIES INC.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ (PSI)

-  Tầng 2, tòa nhà Hà Nội Tourist - 18 Lý Thường Kiệt - Q.Hoàn Kiếm - Tp.Hà Nội
-  (84.24) 3934 3888
-  www.psi.vn/vi